

Số: /ĐA-UBND Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2025

ĐỀ ÁN

Sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

Thực hiện Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Thông báo kết luận số 134/TB-BCĐTKNQ18 ngày 03/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Công văn số 24/BCĐTKNQ18 ngày 18/12/2024 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về định hướng, gợi ý một số nội dung về sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Công văn số 7968/BNV-CCVC ngày 08/12/2024 của Bộ Nội vụ về việc định hướng xây dựng phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động khi thực hiện sắp xếp bộ máy hành chính; Nghị quyết số 33-NQ/TU ngày 06/01/2025 của hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Phương án số 01-PA/TU ngày 06/01/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Vĩnh Phúc; Kết luận số 221-KL/TU ngày 06/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương triển khai một số định hướng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 241-KL/TU ngày 17/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức, cán bộ; Kế hoạch số 256-KH/TU ngày 06/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Vĩnh Phúc.

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, như sau:

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung rà soát, sắp xếp giảm đầu mối trực thuộc các sở, ngành; thực hiện sắp xếp, sáp nhập các tổ chức hoạt động không hiệu quả, các tổ chức có chức năng, nhiệm vụ

tương đồng; đến nay toàn tỉnh đã sắp xếp giảm 99 đầu mỗi so với năm 2017. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, cơ bản hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Việc thành lập, sáp nhập, giải thể các tổ chức, đơn vị được thực hiện bảo đảm theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế. Sau sắp xếp các cơ quan, đơn vị, tổ chức bộ máy mới đã sớm ổn định và đi vào hoạt động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các cơ quan, tổ chức được phân định, điều chỉnh, bổ sung kịp thời; cơ bản đã khắc phục tình trạng chồng chéo, bất cập trong thực hiện nhiệm vụ. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được kiện toàn, sắp xếp hợp lý, có cơ cấu phù hợp theo vị trí việc làm. Việc thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được triển khai đồng bộ, đạt mục tiêu đề ra. Tuy nhiên tổ chức bộ máy một số cơ quan, đơn vị vẫn còn chồng chéo, chưa thực sự tinh gọn; chức năng, nhiệm vụ còn chồng chéo, tương đồng.

Với quyết tâm chính trị cao trong triển khai chủ trương của Bộ Chính trị về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW và sắp xếp hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị hoạt động tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; thực hiện nghiêm nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính, khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, do đó việc tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trên cơ sở tổ chức hợp lý các cơ quan đa ngành, đa lĩnh vực gắn với cơ cấu lại và xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, có biên chế hợp lý là cần thiết.

II. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Các chủ trương của Đảng, của Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa XII) về *“một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”*;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa XII) về *“Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức hành chính”*;

- Kết luận số 09-KL/BCĐ phiên họp lần thứ nhất ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã ban hành;

- Quy chế làm việc số 05-QC/TU ngày 01/7/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy khóa XVII;

- Kế hoạch số 243-KH/TU ngày 26/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả;

- Kế hoạch số 221-KL/TU ngày 06/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương triển khai một số định hướng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả;

- Kết luận số 241-KL/TU ngày 17/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức, cán bộ;

- Kết luận số 243-KL/TU ngày 22/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức, cán bộ *“Đồng ý chủ trương giao Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và chỉ đạo triển khai, thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy các cơ quan khối chính quyền theo thẩm quyền, đảm bảo đúng quy định”*

- Kết luận số 04-KL/BCĐ ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo thực hiện Kết luận số 09-KL/BCĐ của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 09-KL/BCĐ của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐHXXVII ngày 16/11/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025 *“Đột phá trong công tác cán bộ và tổ chức bộ máy”*;

- Nghị quyết số 33-NQ/TU ngày 06/01/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Kế hoạch số 256-KH/TU ngày 06/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Vĩnh Phúc;

- Phương án số 01-PA/TU ngày 06/01/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp năm 2013;

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

- Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014;

- Luật Giáo dục năm 2019;

- Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

- Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, hợp nhất, giải thể tổ chức hành chính;
- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, hợp nhất, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong tổ chức hành chính;
- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
- Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/2/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp;
- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;
- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;
- Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;
- Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;

- Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;

- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Công chứng;

- Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của tổ chức hành chính; xử lý tài sản, tài chính khi hợp nhất, giải thể tổ chức hành chính;

- Thông tư số 03/2021/TT-BNG ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thông tư số 05/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thông tư số 04/2022/TT-BTC ngày 28/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tài chính địa phương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thông tư số 15/2021/TT-BGTVT ngày 30/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 27/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

- Thông tư số 30/2016/TT-BNNPTNT ngày 25/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở

Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN ngày 01/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

- Thông tư số 11/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

- Thông tư số 34/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chi cục Dân số thuộc Sở Y tế;

- Thông tư số 42/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trung tâm pháp y tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Thông tư số 32/2024/TT-BYT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

- Thông tư số 18/2023/TT-BYT ngày 25/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 39/2015/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc sáp nhập Trung tâm dạy nghề, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp công lập cấp huyện thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên;

- Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập;

- Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Thông tư số 15/2023/TT-BCT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương;

- Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 01/11/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

- Thông tư số 01/2022/TT-VPCP ngày 02/5/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thông tư số 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Thông tư số 02/2023/TT-TTCT ngày 22/12/2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

- Kế hoạch định hướng số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ;

- Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ18 ngày 18/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc định hướng, gợi ý một số nội dung về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

- Công văn số 31/CV-BCĐTKNQ18 ngày 04/01/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về việc thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ;

- Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về việc bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện;

- Công văn số 35/CV-BCĐTKNQ18 ngày 23/01/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về việc hoàn thiện phương án sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy;

- Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị, địa phương khối nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Về cơ sở thực tiễn

Quá trình sắp xếp, hoàn thiện, tinh gọn về tổ chức bộ máy của các cơ quan chính quyền địa phương đã góp phần thay đổi diện mạo nền hành chính của tỉnh. Tuy nhiên, thực tế về tổ chức, bộ máy của một số cơ quan còn cồng kềnh, nhiều đầu mối, tổ chức bên trong vẫn chưa thực sự tinh gọn và chưa theo quy định của Trung ương cả về số lượng, tên gọi của tổ chức; một số cơ quan, đơn vị còn chồng chéo về nhiệm vụ. Cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong một số nhiệm vụ chưa hiệu quả; trách nhiệm người đứng đầu một số cấp uỷ, cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được đề cao.

Từ những hạn chế nêu trên cho thấy việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy là một yêu cầu rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, tạo điều kiện để tiếp tục cải cách nền hành chính trên địa bàn tỉnh theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, giảm chi ngân sách cho hoạt động của bộ máy, nhất là chi lương và chi thường xuyên.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC BỘ MÁY CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Hiện nay, tỉnh Vĩnh Phúc có 19 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (*sau đây viết tắt là sở*) theo quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP) của Chính phủ gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Giao thông vận tải; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Nội vụ; Ban Dân tộc; Sở Công thương; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Ngoại vụ; Sở Tư pháp; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Y tế; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có 111 phòng chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc.

(Chi tiết có phụ lục 1A gửi kèm).

Có 12 Chi cục và ban thuộc sở gồm: Sở Nội vụ có (02 ban); Sở Khoa học và Công nghệ (01 chi cục); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (07 chi cục); Sở Y tế (01 chi cục); Sở Xây dựng (01 chi cục); Các chi cục có tổng số 26 phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

(Chi tiết có phụ lục 2A gửi kèm).

Có 96 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường (04 đơn vị); Sở Tư pháp (03 đơn vị); Sở Khoa học và Công nghệ (02 đơn vị); Sở Xây dựng (02 đơn vị); Sở Kế hoạch và Đầu tư (01 đơn vị); Sở Công Thương (01 đơn vị); Sở Thông tin và Truyền thông (03 đơn vị); Văn phòng UBND tỉnh (02 đơn vị); Thanh tra tỉnh (01 đơn vị); Sở Giáo dục và Đào tạo (34 đơn vị); Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (05 đơn vị); Sở Y tế (20 đơn vị); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (07 đơn vị); Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (06 đơn vị); Sở Giao thông vận tải (04 đơn vị); Sở Nội vụ (01 đơn vị).

(Chi tiết có phụ lục 3A gửi kèm).

A. THỰC TRẠNG CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN

I. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng:* Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về quy hoạch tỉnh, kế hoạch và đầu tư phát triển, gồm: quy hoạch tỉnh; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch đầu tư công; cơ chế, chính sách trong các lĩnh vực kinh tế, thu hút nguồn lực đầu tư, cơ cấu lại kinh tế, triển khai mô hình kinh tế mới, phương thức kinh doanh mới, thực hiện điều phối phát triển vùng, liên vùng; đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các nguồn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài; đấu thầu; đăng ký kinh doanh trong phạm vi địa phương; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, hộ gia đình và tổ chức kinh tế khác; tổ chức cung ứng các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật; Sở Kế hoạch và Đầu tư có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh về quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- *Trụ sở làm việc:* Số 38-40, đường Nguyễn Trãi, phường Đống Đa, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Hiện trạng sử dụng:* Sử dụng chung trụ sở của Văn phòng HĐND-UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 07 phòng

+ Văn phòng: Tổng số: 07 người (Gồm: Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng, 02 Chuyên viên, 03 Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP).

+ Thanh tra: Tổng số 04 người (Gồm: Chánh Thanh tra, 01 Phó Chánh Thanh tra, 02 thanh tra viên và tương đương).

+ Phòng Đăng ký kinh doanh: Tổng số 05 người (Gồm: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 03 chuyên viên).

+ Phòng Tổng hợp quy hoạch: Tổng số 06 người (Gồm: Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 03 chuyên viên).

+ Phòng Kinh tế đối ngoại: Tổng số 05 người (Gồm: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 03 chuyên viên).

+ Phòng Quản lý ngành: Tổng số 05 người (Gồm: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 03 chuyên viên).

+ Phòng Đầu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư: Tổng số 06 người (Gồm: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 04 chuyên viên).

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 69 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 42 chỉ tiêu; viên chức 24 chỉ tiêu (NSNN: 22, NTSN: 2); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 03 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 62 người (trong đó: biên chế công chức: 37 người; viên chức 22 người (NSNN: 22); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 03 người).

II. SỞ TÀI CHÍNH

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng:* Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về tài chính; ngân sách nhà nước; nợ chính quyền địa phương, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước; tài sản công; các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; kế toán; kiểm toán độc lập; lĩnh vực giá và các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật. Sở Tài chính có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh theo thẩm quyền; đồng thời chấp hành chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài chính.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tài chính; Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 27/8/2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Quyết định quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Trụ sở làm việc:* Số 40, đường Nguyễn Trãi, phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Tổng diện tích đất được giao sử dụng: Chung khuôn viên với UBND tỉnh khoảng 4.000 m²; Diện tích nhà làm việc: 2.203m² (4 tầng);

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 06 phòng

+ Văn phòng: Tổng số 11 người (Gồm: Chánh Văn phòng, 02 Phó Chánh Văn phòng, 03 Chuyên viên, 05 Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

+ Thanh tra: Tổng số 06 người (Gồm: Chánh Thanh tra, 01 Phó Chánh Thanh tra, 04 thanh tra viên và tương đương).

+ Phòng Quản lý ngân sách: Tổng số 06 người (Gồm: Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 03 Chuyên viên).

+ Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp: Tổng số 07 người (Gồm: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 05 Chuyên viên).

+ Phòng Tài chính Đầu tư: Tổng số 05 người (Gồm: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 03 Chuyên viên).

+ Phòng Quản lý Giá, Công sản và Tài chính doanh nghiệp: Tổng số 06 người (Gồm: Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 03 Chuyên viên).

3. Biên chế

- Tổng số biên chế công chức giao: 44 chỉ tiêu; lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 05 chỉ tiêu.

- Tổng số biên chế có mặt: 43 người; lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 4 người.

III. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng:* Sở Giao thông vận tải thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị; vận tải; đăng kiểm; an toàn giao thông; quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông đô thị gồm: Cầu đường bộ, cầu vượt, hè phố, đường phố, dải phân cách, hệ thống biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu điều khiển giao thông, hầm dành cho người đi bộ, hầm cơ giới đường bộ, cầu dành cho người đi bộ, bến xe, bãi đỗ xe trên địa bàn. Sở Giao thông vận tải có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giao thông vận tải.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Theo Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 27/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Quyết định quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Trụ sở làm việc:* Số 9, Đường Mê Linh, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên - tỉnh Vĩnh Phúc

- Tổng diện tích đất được giao sử dụng: 8.574 m²;

- Hiện trạng sử dụng: Đang trong quá trình sửa chữa cải tạo

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 06 phòng
- + Văn phòng: Tổng số 09 người (Gồm: Chánh Văn phòng, 04 Chuyên viên, 04 lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP).
- + Thanh tra: Tổng số 22 người (Gồm: Chánh Thanh tra, 01 Phó Chánh Thanh tra, 06 Đội trưởng, 01 Đội phó, 07 thanh tra viên và 02 công chức thanh tra, 04 lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP).
- + Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông: Tổng số 05 người (Gồm: 01 Phó Trưởng phòng phụ trách, 01 Phó Trưởng phòng, 03 Chuyên viên).
- + Phòng Quản lý Chất lượng công trình giao thông: Tổng số 05 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 04 Chuyên viên).
- + Phòng Quản lý Vận tải, phương tiện và người lái: Tổng số 07 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 05 Chuyên viên).
- + Phòng Kế hoạch - Tài chính: Tổng số 05 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 03 Chuyên viên).
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: 04 đơn vị
- + Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe;
- + Trung tâm Công nghệ thông tin;
- + Ban Quản lý bến xe khách;
- + Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới.
- Các tổ chức phối hợp liên ngành đặt tại Sở: 02 đơn vị
- + Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh
- + Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 96 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 55 chỉ tiêu; viên chức 33 chỉ tiêu (NSNN: 33); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 8 chỉ tiêu).
- Tổng số biên chế có mặt: 89 người (trong đó: biên chế công chức: 50 người; viên chức 32 người (NSNN: 32); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 7 người).

IV. SỞ XÂY DỰNG

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng:* Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng; kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật; Sở Xây dựng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Xây dựng.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc; quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi khoản 2 Điều 3 Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Trụ sở làm việc:* Số 02, đường Lý Thái Tổ, phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Tổng diện tích đất được giao sử dụng: 4069,4m²;

Hiện trạng sử dụng: 4069,4 m²

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 06 phòng

+ Văn phòng: Tổng số 14 người (Gồm: Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng, 03 Chuyên viên, 09 Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP).

+ Thanh tra: Tổng số 06 người (Gồm: Chánh Thanh tra, 01 Phó Chánh Thanh tra, 04 thanh tra viên).

+ Phòng Quản lý xây dựng: Tổng số 06 người (Gồm: Trưởng phòng, 02 Phó phòng, 03 chuyên viên).

+ Phòng Kinh tế vật liệu xây dựng: Tổng số 06 người (Gồm: Trưởng phòng, 02 Phó phòng, 03 chuyên viên).

+ Phòng Quản lý nhà, phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật: Tổng số 06 người (Gồm: Trưởng phòng, 02 Phó phòng, 03 chuyên viên).

+ Phòng Quy hoạch, kiến trúc: Tổng số 06 người (Gồm: Trưởng phòng, 01 Phó phòng, 04 chuyên viên).

- Các Chi cục thuộc Sở: Chi cục Giám định xây dựng

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: 02 đơn vị

+ Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng là đơn vị sự nghiệp thuộc Chi cục Giám định xây dựng;

+ Viện Quy hoạch xây dựng.

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 51 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 42 chỉ tiêu; lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 9 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 46 người (trong đó: biên chế công chức: 38 người; lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 8 người).

V. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng:* Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; khí tượng thủy văn; môi trường; biến đổi khí hậu; đa dạng sinh học; đo đạc và bản đồ; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật; Sở Tài nguyên và Môi trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Thực hiện theo Quyết định số 71/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- *Trụ sở làm việc:* Đường Hai Bà Trưng, phường Đống Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tổng diện tích đất được giao sử dụng: 4.103,4 m²

Hiện trạng sử dụng: Đang sử dụng, gồm: 02 nhà làm việc 04 tầng và 01 nhà truyền thông môi trường 02 tầng.

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: Quyền Giám đốc và 02 Phó Giám đốc

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 06 phòng

+ Văn phòng Sở: Tổng số 16 người (Gồm: Chánh văn phòng, 01 Phó Chánh văn phòng, 04 chuyên viên, 01 kế toán, 01 văn thư và 08 hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP);

+ Thanh tra Sở: Tổng số 08 người (Gồm: Chánh Thanh tra, 01 Phó Chánh Thanh tra và 06 thanh tra viên);

+ Phòng Quản lý đất đai: Tổng số 08 người (Gồm: Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và 06 chuyên viên);

+ Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám: Tổng số 09 người (Gồm: Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng và 06 chuyên viên);

+ Phòng Quản lý môi trường: Tổng số 10 người (Gồm: Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và 08 chuyên viên);

+ Phòng Khoáng sản, Tài nguyên nước và khí tượng thủy văn: Tổng số 06 người (Gồm: Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng và 03 chuyên viên);

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: 04 đơn vị
- + Văn phòng đăng ký đất đai;
- + Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường;
- + Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- + Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường.

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 86 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 53 chỉ tiêu; viên chức 23 chỉ tiêu (NSNN: 18, NTSN: 5); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 10 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 80 người (trong đó: biên chế công chức: 52 người; viên chức 18 người (NSNN: 18, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 10 người).

VI. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng:* Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan chuyên môn tham mưu giúp UBND tỉnh; Sở có chức năng thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định pháp luật và theo phân công hoặc uỷ quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Sở chịu sự chỉ đạo, quản lý của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sở có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 54/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Trụ sở làm việc:* số 98 đường Nguyễn Việt Xuân, phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên.

Tổng diện tích đất được giao sử dụng: 5.073,8m²

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: 03 Phó Giám đốc (trong đó 01 Phó Giám đốc phụ trách)
- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 05 phòng
- Văn phòng Sở: Tổng số 10 người (Gồm: Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng, 02 chuyên viên, 06 hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP);

- Thanh tra Sở: Tổng số 07 người (Gồm: Chánh Thanh tra, 02 Phó Chánh Thanh tra và 04 thanh tra viên);

- Phòng Kế hoạch - Tài chính: Tổng số 08 người (Gồm: Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 05 chuyên viên);

- Phòng Tổ chức cán bộ: Tổng số 04 người (Gồm: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 02 chuyên viên);

- Phòng Quản lý xây dựng công trình: Tổng số 06 người (Gồm: Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và 03 chuyên viên).

- Các Chi cục thuộc Sở, gồm: 07 Chi cục

+ Chi cục Chăn nuôi và Thú y;

+ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

+ Chi cục Thủy sản;

+ Chi cục Thủy lợi;

+ Chi cục Phát triển nông thôn;

+ Chi cục Kiểm lâm;

+ Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, gồm: 06 đơn vị

+ Trung tâm Khuyến nông;

+ Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn;

+ Trung tâm Giống nông nghiệp;

+ Trung tâm Kiểm nghiệm chứng nhận chất lượng đất và Vật tư nông nghiệp;

+ Trung tâm Kiểm định giám sát công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Trung tâm Phát triển Lâm nông nghiệp.

- Đơn vị trực thuộc Sở: Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới.

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 398 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 167 chỉ tiêu; viên chức 177 chỉ tiêu (NSNN: 153, NTSN: 24); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 54 chỉ tiêu.

- Tổng số biên chế có mặt: 349 người (trong đó: biên chế công chức: 153 người; viên chức 144 người (NSNN: 144, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 52 người.

VII. SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng:* Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về báo chí; xuất bản, in, phát hành; phát

thanh, truyền hình; thông tin điện tử; thông tin đối ngoại; thông tin cơ sở; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghiệp công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin; an toàn thông tin mạng; giao dịch điện tử, chuyển đổi số tại địa phương; có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- *Chức năng, nhiệm vụ:* Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Quyết định số 56/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Trụ sở làm việc:* Số 396, đường Mê Linh, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Tổng diện tích đất được giao sử dụng: 3.977,5m²;

- Hiện trạng sử dụng: Đang sử dụng 3.977,5m².

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: Quyền Giám đốc và 02 Phó Giám đốc

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 05 phòng

+ Văn phòng: Tổng số 07 người (Gồm: 01 Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng, 01 Chuyên viên, 04 lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP).

+ Thanh tra: Tổng số 04 người (Gồm: 01 Chánh Thanh tra, 02 Phó Chánh Thanh tra, 01 thanh tra viên).

+ Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản: Tổng số 05 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 02 Chuyên viên).

+ Phòng Công nghệ thông tin: Tổng số 04 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 02 Chuyên viên).

+ Phòng Bưu chính - Viễn thông: Tổng số 03 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 01 Chuyên viên).

Hiện tại, Sở Thông tin và Truyền thông đang triển khai thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Sở theo Quyết định số 56/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 và đảm bảo hoàn thành trước khi thực hiện hợp nhất 02 Sở. Bộ máy tổ chức của Sở sau khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn sẽ còn lại 04 phòng, cụ thể: (1) Văn phòng; (2) Thanh tra Sở; (3) Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản; (4) Phòng Chuyển đổi số.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: 03 đơn vị

+ Trung tâm Hỗ trợ chuyển đổi số;

+ Trung tâm Hạ tầng số và An toàn thông tin;

+ Công Thông tin điện tử tỉnh.

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 77 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 25 chỉ tiêu; viên chức 46 chỉ tiêu (NSNN: 46, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 6 chỉ tiêu.

- Tổng số biên chế có mặt: 66 người (trong đó: biên chế công chức: 20 người; viên chức 40 người (NSNN: 40, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 6 người.

VIII. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng:* Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, bao gồm: hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng của Sở theo quy định của pháp luật.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc

- *Trụ sở làm việc:* Số 42, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Tổng diện tích đất được giao sử dụng: 4.368,1 m²;

- Hiện trạng sử dụng: Đang sử dụng 4.368,1 m².

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 04 phòng

+ Văn phòng: Tổng số 04 người (Gồm: 01 Chánh Văn phòng, 0 Phó Chánh Văn phòng, 03 Chuyên viên, 04 lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP).

+ Thanh tra: Tổng số 02 người (Gồm: 01 Chánh Thanh tra, 01 Phó Chánh Thanh tra, 0 Thanh tra viên và tương đương).

+ Phòng Quản lý Khoa học: Tổng số 05 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 03 chuyên viên).

+ Phòng Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: Tổng số 05 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 03 Chuyên viên).

- Chi cục thuộc Sở: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở:

+ Trung tâm Ứng dụng và Đổi mới sáng tạo tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 55 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 32 chỉ tiêu; viên chức 17 chỉ tiêu (NSNN: 15, NTSN: 2); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 6 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 49 người (trong đó: biên chế công chức: 30 người; viên chức 13 người (NSNN: 13, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 6 người).

IX. SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Vĩnh Phúc là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Lao động, tiền lương và việc làm trong khu vực doanh nghiệp; giáo dục nghề nghiệp (trừ sư phạm); bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bảo trợ xã hội; trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội (sau đây gọi chung là lĩnh vực lao động, người có công và xã hội) và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- *Chức năng, nhiệm vụ:* và các nhiệm vụ theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 12/05/2022 của UBND tỉnh Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Trụ sở làm việc:*

+ Trụ sở thứ nhất: Số 04, đường Hai Bà Trưng, phường Đông Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Trụ sở thứ hai: Số 22, đường Lý Thái Tổ, phường Đông Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tổng diện tích đất được giao sử dụng: 4.012,5m²

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 08 phòng
- + Văn phòng;
- + Thanh tra;
- + Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- + Phòng Giáo dục nghề nghiệp;
- + Phòng Người có công;
- + Phòng Lao động - Việc làm;
- + Phòng Bảo trợ xã hội và Trẻ em;
- + Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: 06 đơn vị
- + Trung tâm Công tác xã hội;
- + Trung tâm Nuôi dưỡng và phục hồi chức năng người tâm thần;
- + Trung tâm Điều dưỡng người có công Tam Đảo;
- + Trung tâm Dịch vụ việc làm;
- + Cơ sở cai nghiện ma túy;
- + Quỹ Bảo trợ trẻ em.

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 173 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 43 chỉ tiêu; viên chức 102 chỉ tiêu (NSNN: 99, NTSN: 3); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 28 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 170 người (trong đó: biên chế công chức: 43 người; viên chức 99 người (NSNN: 99, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 28 người).

X. SỞ NỘI VỤ

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng* : Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính, cải cách chế độ công chức, công vụ; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước;

tín ngưỡng, tôn giáo; công tác thanh niên; thi đua, khen thưởng; Sở Nội vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành sự lãnh đạo, quản lý về tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chấp hành chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nội vụ;

- *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Quyết định quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Trụ sở làm việc: (Địa chỉ):* Nằm trong khuôn viên trụ sở làm việc của UBND tỉnh Vĩnh Phúc tại số 38 đường Nguyễn Trãi, Phường Đồng Đa, Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: 03 Phó Giám đốc (trong đó có 01 Phó Giám đốc phụ trách Sở).

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 06 phòng

+ Văn phòng Sở: Tổng số 09 người (Gồm: Chánh Văn phòng, 02 Phó Chánh Văn phòng, 03 chuyên viên, 03 Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP).

+ Thanh tra Sở: Tổng số 05 người (Gồm: Chánh Thanh tra, 01 Phó Chánh Thanh tra, 03 thanh tra viên và tương đương).

+ Phòng Công chức viên chức: Tổng số 07 người (Gồm: Trưởng phòng; 01 phó trưởng phòng; 05 chuyên viên)

+ Phòng Tổ chức biên chế: Tổng số 05 người (Gồm: Trưởng phòng; 01 phó trưởng phòng; 03 chuyên viên)

+ Phòng Xây dựng chính quyền: Tổng số 07 người (Gồm: Trưởng phòng; 01 phó trưởng phòng; 05 chuyên viên)

+ Phòng Cải cách hành chính: Tổng số 05 người (Gồm: Trưởng phòng; 01 phó trưởng phòng; 03 chuyên viên)

- Các Ban thuộc Sở: 02 Ban

+ Ban Tôn giáo;

+ Ban Thi đua - Khen thưởng.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: Trung tâm Lưu trữ lịch sử

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 92 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 61 chỉ tiêu; viên chức 20 chỉ tiêu (NSNN: 20); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 11 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 80 người (trong đó: biên chế công chức: 54 người; viên chức 19 người(NSNN: 19); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 7 người).

XI. SỞ NGOẠI VỤ

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng:* Sở Ngoại vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác ngoại vụ (sau đây gọi chung là công tác đối ngoại) của tỉnh; các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật và Sở Ngoại vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức, biên chế và hoạt động; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Ngoại giao.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Trụ sở làm việc:* Đường Trần Phú, Khu đô thị Hà Tiên, phường Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Tổng diện tích đất được giao sử dụng: 2.800 m² (Hai nghìn tám trăm mét vuông).

Hiện trạng sử dụng: Trụ sở làm việc gồm 01 tòa nhà 04 tầng có đầy đủ các phòng làm việc, phòng chức năng, phòng hội trường; sân vườn, lán để xe.

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và 04 Phó Giám đốc

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 02 phòng

+ Văn phòng: Tổng số: 09 người (Gồm: Chánh Văn phòng, 02 Phó Chánh Văn phòng, 02 Chuyên viên, 04 Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP).

+ Phòng Hợp tác quốc tế và lãnh sự: Tổng số 05 người (Gồm: Trưởng phòng, 04 Phó Trưởng phòng).

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 19 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 15 chỉ tiêu; lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 4 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 19 người (trong đó: biên chế công chức: 15 người; lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 4 người).

XII. BAN DÂN TỘC

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí:* Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy

định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

- *Chức năng, nhiệm vụ:* thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 55/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Trụ sở làm việc:* Phố Đào Duy Anh, Phường Đống Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Tổng diện tích đất được giao sử dụng: 2525,8 m²; gồm 01 tòa nhà, gồm 01 tầng trệt và 03 tầng nổi, với tổng diện tích đất xây dựng 297 m²; Diện tích sàn xây dựng: 867 m²

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Ban gồm: 03 Phó Trưởng ban (trong đó có 01 Phó trưởng Ban phụ trách).

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 02 phòng

+ Phòng Chính sách Dân tộc: 05 người (Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 03 chuyên viên).

+ Văn phòng: 08 người, 04 công chức và 04 Hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP (Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng, 02 chuyên viên).

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 18 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 14 chỉ tiêu; lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 4 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 17 người (trong đó: biên chế công chức: 13 người; lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 4 người).

XIII. SỞ Y TẾ

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng:* Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về y tế, gồm các lĩnh vực: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y; y, dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số và các dịch vụ công thuộc ngành y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; Sở Y tế có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Theo quy định tại Quyết định số 50/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Vĩnh Phúc

- *Trụ sở làm việc:* Địa chỉ: Số 12, Đường Hai Bà Trưng, phường Đông Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tổng diện tích đất được giao sử dụng: 2916,3 m².

Hiện trạng sử dụng: Trụ sở làm việc của Sở Y tế được đầu tư xây dựng từ những năm 1997, bao gồm: Nhà làm việc chính 4 tầng, diện tích sàn là 1.944 m², (xây dựng năm 1997); Nhà kho lưu trữ 1 tầng, diện tích sàn là 166,7m², (xây dựng năm 2000); Nhà rèn luyện thể chất và thi đấu thể thao cho cán bộ, diện tích sàn là 237,6 m²; Gara xe, Nhà bảo vệ, hạ tầng kỹ thuật,... đến năm 2008 đã cải tạo, sửa chữa, đến nay một số hạng mục đã xuống cấp như Hệ thống mái thấm, dột; hệ thống đường ống cấp thoát nước rò rỉ nhiều nơi; hệ thống điện xuống cấp; tường, trần bong tróc và thấm, mốc nhiều; nền gạch nhiều nơi bong rộp; hệ thống cửa cong vênh, mối mọt; thiết bị vệ sinh hỏng, cơ cấu phòng chức năng cần điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu sử dụng; mặc dù hàng năm Sở Y tế đã khắc phục, duy tu bảo trì để hoạt động tạm thời, trước mắt.

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 07 phòng

+ Văn phòng Sở Y tế: Tổng số 07 người (Gồm: 01 Phó Chánh văn phòng, 02 Chuyên viên, 04 Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP);

+ Thanh tra Sở Y tế: Tổng số 02 người (Gồm: 01 Phó Chánh thanh tra, phụ trách thanh tra Sở, 01 Phó Chánh thanh tra);

+ Phòng Tổ chức cán bộ: Tổng số 02 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng);

+ Phòng Kế hoạch - Tài chính: Tổng số 04 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 02 Chuyên viên);

+ Phòng Nghiệp vụ Y Dược: Tổng số 04 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 02 Chuyên viên);

+ Phòng Quản lý hành nghề y dược: Tổng số 03 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 01 Chuyên viên);

+ Phòng An toàn vệ sinh thực phẩm: Tổng số 05 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 03 Chuyên viên).

- Chi cục thuộc Sở: 01 Chi cục Dân số

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: 20 đơn vị

+ Lĩnh vực Y tế dự phòng và chuyên ngành (04 Trung tâm) gồm: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm; Trung tâm Giám định Y khoa; Trung tâm Pháp y;

+ Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng (07 bệnh viện), gồm: Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Đa khoa khu vực Phúc Yên; Bệnh viện Sản - Nhi; Bệnh viện Y Dược cổ truyền; Bệnh viện Phục hồi chức năng; Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần; Bệnh viện Giao thông vận tải Vĩnh Phúc.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập tuyến huyện trực thuộc Sở (09 Trung tâm), gồm: Trung tâm Y tế thành phố Vĩnh Yên; Trung tâm Y tế thành phố Phúc Yên; Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Tường; Trung tâm Y tế huyện Yên Lạc; Trung tâm Y tế huyện Bình Xuyên; Trung tâm Y tế huyện Tam Dương; Trung tâm Y tế huyện Tam Đảo; Trung tâm Y tế huyện Lập Thạch; Trung tâm Y tế huyện Sông Lô.

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 2011 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 48 chỉ tiêu; viên chức 1953 chỉ tiêu (NSNN: 1913, NTSN: 40); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 10 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 1769 người (trong đó: biên chế công chức: 37 người; viên chức 1.722 người (NSNN: 1.722, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 10 người).

XIV. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng:* Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở địa phương theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các Sở Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Theo quy định tại các Quyết định: Số 25/2021/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo; số 09/2024/QĐ-UBND ngày 16/02/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo

- *Trụ sở làm việc:* Số 539, đường Mê Linh, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

- Tổng diện tích đất được giao sử dụng: 7.308m².

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 07 phòng:
 - + Văn phòng: Tổng số 07 người (Chánh Văn phòng; 01 Phó Chánh văn phòng, 02 Chuyên viên, 04 Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP);
 - + Thanh tra: Tổng số 04 người (01 Chánh Thanh tra, 01 Phó Chánh Thanh tra, 02 Thanh tra viên);
 - + Phòng Tổ chức cán bộ - Chính trị tư tưởng: Tổng số 05 người (01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng; 02 chuyên viên);
 - + Phòng Kế hoạch - Tài chính: Tổng số 04 người (01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng; 02 chuyên viên);
 - + Phòng Giáo dục phổ thông: Tổng số 06 người (01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng; 04 chuyên viên);
 - + Phòng Giáo dục Thường xuyên, Chuyên nghiệp - Giáo dục Mầm non: Tổng số 05 người (01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng; 03 chuyên viên);
 - + Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục: Tổng số 04 người (01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng; 02 chuyên viên);
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: 34 đơn vị
 - + Trường Trung học phổ thông (32 trường);
 - + Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh;
 - + Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục và hòa nhập tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 2285 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 41 chỉ tiêu; viên chức 2240 chỉ tiêu (NSNN: 1983, NTSN: 257); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 4 chỉ tiêu).
- Tổng số biên chế có mặt: 2092 người (trong đó: biên chế công chức: 35 người; viên chức 2053 người (NSNN: 1983, NTSN: 70); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 4 người).

XV. SỞ CÔNG THƯƠNG

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng*: Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công thương, bao gồm các ngành và lĩnh vực: cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; dầu khí (nếu có); hoá chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ vật liệu xây dựng thông thường và sản xuất xi măng); công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp môi trường; công nghiệp chế biến khác; tiểu thủ công nghiệp; khuyến công; hoạt động thương mại và lưu thông hàng hoá trên địa bàn; sản xuất và tiêu dùng bền vững; xuất khẩu, nhập khẩu; dịch vụ logistics; xúc tiến

thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; phòng vệ thương mại; hội nhập kinh tế quốc tế; quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Sở Công Thương có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Công Thương.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Phúc và Quyết định số 51/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Trụ sở làm việc:* Số 16 Lý Thái Tổ - Đống Đa - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 06 phòng

+ Văn phòng: Tổng số 10 người (Gồm: Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng, 02 Chuyên viên chính, 02 chuyên viên, 04 Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP).

+ Thanh tra: Tổng số 03 người (Gồm: 02 Phó Chánh Thanh tra (01 phó Chánh thanh tra phụ trách), 01 thanh tra viên và tương đương).

+ Phòng Kế hoạch - Tài chính - Tổng hợp: Tổng số 05 người (Gồm: Trưởng phòng và 01 phó phòng, 03 chuyên viên)

+ Phòng Quản lý Thương mại & Hợp tác quốc tế: Tổng số 05 người (Gồm: Trưởng phòng và 02 Phó phòng, 02 chuyên viên)

+ Phòng Quản lý Công nghiệp & Kỹ thuật: Tổng số 05 người (Gồm: Trưởng phòng và 01 Phó phòng, 03 chuyên viên)

+ Phòng Quản lý Năng lượng: Tổng số 04 người (Gồm: Trưởng phòng và 03 chuyên viên)

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: Trung tâm Phát triển Công thương.

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 83 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 36 chỉ tiêu; viên chức 41 chỉ tiêu (NSNN: 41); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 6 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 78 người (trong đó: biên chế công chức: 32 người; viên chức 40 người(NSNN: 40); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 6 người).

XVI. VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng:* Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh về: Chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; kiểm soát thủ tục hành chính; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; tổ chức, quản lý và công bố các thông tin chính thức về hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đầu mối Công Thông tin điện tử, kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; quản lý Công báo và phục vụ các hoạt động chung của Ủy ban nhân dân tỉnh; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền; quản lý công tác quản trị nội bộ của Văn phòng; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Trụ sở làm việc:* Số 38 - 40 Đường Nguyễn Trãi, Phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: Chánh Văn phòng và 02 Phó Chánh Văn phòng.

- Các phòng chuyên môn, đơn vị hành chính: 09 đầu mối

+ Phòng Kinh tế - Tổng hợp (gồm 6 người; Trưởng phòng; 01 Phó Trưởng phòng, 04 chuyên viên)

+ Phòng Công nghiệp - Xây dựng (gồm 3 người; Trưởng phòng; 01 Phó Trưởng phòng, 01 chuyên viên)

+ Phòng Nông nghiệp - Tài nguyên (gồm 4 người; Trưởng phòng; 02 Phó Trưởng phòng, 01 chuyên viên)

+ Phòng Khoa giáo - Văn xã (gồm 4 người; 01 Phó Trưởng phòng, 03 chuyên viên)

+ Phòng Nội chính (gồm 3 người; Trưởng phòng; 01 Phó Trưởng phòng, 01 chuyên viên)

+ Phòng Hành chính - Quản trị (gồm 7 người; Trưởng phòng; 02 Phó Trưởng phòng, 04 chuyên viên)

+ Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính; (gồm 4 người; Trưởng phòng; 01 Phó Trưởng phòng, 02 chuyên viên)

+ Ban Tiếp công dân (gồm 5 người; 01 Phó Trưởng ban, 04 lãnh đạo phòng thuộc Ban)

+ Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (gồm 8 người (02 công chức và 06 viên chức); 01 Phó Giám đốc, 01 Trưởng phòng thuộc Trung tâm; 06 chuyên viên).

- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: 02 đơn vị
- + Nhà khách UBND tỉnh;
- + Trung tâm Tin học - Công báo.

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 100 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 48 chỉ tiêu (bao gồm 04 biên chế Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh); viên chức 21 chỉ tiêu (NSNN: 21); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 31 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 88 người (trong đó: biên chế công chức: 44 người; viên chức 14 người (NSNN: 14); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 30 người).

XVII. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng:* Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo (không bao gồm nội dung quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin); việc sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 27/8/2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc

- *Trụ sở làm việc:* Số 2 đường Hai Bà Trưng, phường Đống Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

- Tổng diện tích đất được giao sử dụng: (1) Tại Đống Đa, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc: 3015,9 m²; Hiện trạng sử dụng: Nhiều hạng mục công trình đã xuống cấp; (2) Tại Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc: 3.273,0 m²; Hiện trạng sử dụng: Nhiều hạng mục công trình đã xuống cấp.

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc
- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 08 phòng
- + Văn phòng: Tổng số 14 người (Gồm: Chánh Văn phòng, 02 Phó Chánh Văn phòng, 04 Chuyên viên, 02 cán sự và tương đương, 05 Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP).

+ Thanh tra: Tổng số 04 người (Gồm: Chánh Thanh tra, 01 Phó Chánh Thanh tra, 02 thanh tra viên).

+ Phòng Tổ chức cán bộ: Tổng số 04 người (Gồm: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 02 Chuyên viên).

+ Phòng Quản lý Văn hóa: Tổng số 05 người (Gồm: 01 Quyền Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 03 Chuyên viên).

+ Phòng Quản lý gia đình và nếp sống văn hóa: Tổng số 06 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 04 Chuyên viên).

+ Phòng Quản lý du lịch: Tổng số 05 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 03 Chuyên viên).

+ Phòng Quản lý thể dục, thể thao: Tổng số 04 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 02 Chuyên viên).

+ Phòng Quản lý di sản văn hóa: Tổng số 04 người (Gồm: 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 01 Chuyên viên).

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: 05 đơn vị

+ Bảo tàng tỉnh;

+ Thư viện tỉnh;

+ Trung tâm Văn hóa tỉnh;

+ Nhà hát Nghệ thuật tỉnh;

+ Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh.

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 261 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 47 chỉ tiêu; viên chức 188 chỉ tiêu (NSNN: 182, NTSN: 6); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 26 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 241 người (trong đó: biên chế công chức: 44 người; viên chức 171 người (NSNN: 171, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 26 người).

XVIII. THANH TRA TỈNH

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng*: Thanh tra tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật. Thanh tra tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, điều hành

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra, hướng dẫn nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Theo quy định tại Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND tỉnh về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Vĩnh Phúc

- *Trụ sở làm việc:* Số 10 đường Lý Thái Tổ, phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh gồm: Chánh Thanh tra và 03 Phó Chánh Thanh tra

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 06 phòng

+ Văn phòng;

+ Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 (Nghiệp vụ 1);

+ Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 2 (Nghiệp vụ 2);

+ Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 3 (Nghiệp vụ 3);

+ Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng (Nghiệp vụ 4);

+ Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra (Nghiệp vụ 5).

- Đơn vị sự nghiệp công lập: Trung tâm Thông tin tư liệu thanh tra

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 45 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 36 chỉ tiêu; viên chức 3 chỉ tiêu (NSNN: 3, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 6 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 45 người (trong đó: biên chế công chức: 36 người; viên chức 3 người (NSNN: 3, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 6 người).

XIX. SỞ TƯ PHÁP

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- *Vị trí, chức năng:* Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu UBND tỉnh quản lý nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; pháp chế; chứng thực; nuôi con nuôi; hộ tịch; quốc tịch; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; luật sư, tư vấn pháp luật; công chứng; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; thừa phát lại; quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; đăng ký biện pháp bảo đảm; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; công tác tư pháp khác và dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định

pháp luật; Sở Tư pháp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế của UBND tỉnh; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

- *Nhiệm vụ, quyền hạn:* Theo quy định tại Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc, Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 27/8/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Quyết định quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Trụ sở làm việc:* Phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 06 phòng

+ Văn phòng Sở: 05 biên chế công chức (01 Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng, 03 chuyên viên) và 04 Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

+ Thanh tra Sở: 03 biên chế công chức (01 Chánh Thanh tra, 02 Phó Chánh Thanh tra).

+ Phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 04 phòng, gồm:

+ Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật: 05 biên chế công chức (01 Trưởng phòng; 02 Phó Trưởng phòng; 02 chuyên viên);

+ Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi thi hành pháp luật: 03 biên chế công chức (01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 01 chuyên viên).

+ Phòng Phổ biến giáo dục pháp luật: 03 biên chế công chức (01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 01 chuyên viên); 01 viên chức biệt phái.

+ Phòng Hành chính tư pháp: 06 biên chế công chức (01 Trưởng phòng, 01 phó trưởng phòng, 04 chuyên viên).

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: 03 đơn vị

+ Phòng Công chứng số 1;

+ Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước;

+ Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản.

3. Biên chế

- Tổng số biên chế giao: 65 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 30 chỉ tiêu; viên chức 28 chỉ tiêu (NSNN: 28, NTSN:0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 7 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 56 người (trong đó: biên chế công chức: 29 người; viên chức 20 người (NSNN: 20, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 7 người).

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Triển khai chủ trương, định hướng, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tạo sự đồng thuận, thống nhất trong quá trình sắp xếp, đề xuất phương án kiện toàn tổ chức bộ máy. Làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, kịp thời quan tâm giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

2. Sắp xếp, tinh gọn tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, liên thông trong quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực từ Trung ương đến tỉnh và huyện; đồng thời, thực hiện sắp xếp giảm đầu mối bên trong gắn với giảm biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, có số lượng cơ cấu hợp lý, có phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thời kỳ mới.

3. Xây dựng phương án, chuẩn bị đầy đủ điều kiện cần thiết để sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi có quyết định của cấp có thẩm quyền; bảo đảm việc sắp xếp không ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị, không bỏ trống địa bàn, lĩnh vực, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, đặc biệt các nhiệm vụ liên quan đến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

II. NGUYÊN TẮC

1. Bám sát định hướng sắp xếp theo yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chỉ đạo Trung ương; định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ và của tỉnh.

2. Tổ chức hợp lý các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, thực hiện nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính; đồng thời, rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bên trong các sở, ban, ngành (phần đầu giảm khoảng 15% số đầu mối bên trong) theo định hướng của Trung ương, quy định của Chính phủ và phù hợp với tình hình, đặc điểm của từng địa phương, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

3. Sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn phải gắn với giảm biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước.

III. ĐỐI TƯỢNG

Tổ chức bộ máy các cơ quan cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc.

Phần thứ tư

PHƯƠNG ÁN HỢP NHẤT, TỔ CHỨC LẠI, KẾT THÚC HOẠT ĐỘNG CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND TỈNH

A. ĐỐI VỚI SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VÀ SỞ TÀI CHÍNH

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Về phương án hợp nhất Sở: Hợp nhất Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính thành Sở Tài chính

2. Về chức năng, nhiệm vụ

(1) Tiếp nhận nguyên trạng chức năng, nhiệm vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính

(2) Tiếp nhận nhiệm vụ công tác ngoại giao kinh tế và công tác phi chính phủ nước ngoài từ Sở Ngoại vụ.

3. Về phương án sắp xếp các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

- Hợp nhất Văn phòng Sở Tài chính và Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Văn phòng Sở Tài chính.

- Hợp nhất Thanh tra Sở Tài chính và Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Thanh tra Sở Tài chính.

- Kết thúc hoạt động của phòng Tài chính Đầu tư - Sở Tài chính chuyển nhiệm vụ về phòng Quản lý Ngân sách thuộc Sở Tài chính;

- Kết thúc hoạt động phòng Quản lý ngành thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư, chuyển nhiệm vụ về thẩm định chủ trương đầu tư thuộc lĩnh vực của phòng Quản lý ngành về phòng Đấu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư; Chuyên nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp ngành, lĩnh vực của phòng Quản lý ngành về phòng Tổng hợp quy hoạch.

- Phòng Quản lý ngân sách: Giữ nguyên chức năng nhiệm vụ Phòng QLNS thuộc Sở Tài chính, tiếp nhận nhiệm vụ của Phòng Tài chính Đầu tư Sở Tài chính.

- Phòng Tổng hợp quy hoạch: Giữ nguyên chức năng nhiệm vụ Phòng Tổng hợp quy hoạch, bổ sung nhiệm vụ tổng hợp ngành, lĩnh vực của phòng Quản lý ngành và công tác phi chính phủ nước ngoài từ Sở Ngoại vụ về phòng Tổng hợp quy hoạch.

- Phòng Đấu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư: Giữ nguyên chức năng nhiệm vụ Phòng Đấu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư, bổ sung nhiệm vụ về thẩm định chủ trương đầu tư thuộc lĩnh vực của phòng Quản lý ngành về phòng Đấu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư.

- Phòng Kinh tế Đối ngoại: Giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ Phòng Kinh tế Đối ngoại thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Bổ sung nhiệm vụ công tác ngoại giao kinh tế; Bổ sung biên chế từ Sở Ngoại vụ.

3. Về phương án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập: Trung tâm Nghiên cứu và tư vấn đầu tư: Giữ nguyên chức năng nhiệm vụ hiện tại, thực hiện điều chỉnh bổ sung sau.

II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Trước mắt, tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính; Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Tiếp nhận nhiệm vụ công tác ngoại giao kinh tế và công tác phi chính phủ nước ngoài từ Sở Ngoại vụ cho đến khi có hướng dẫn mới của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Lãnh đạo Sở: Có Giám đốc và các Phó Giám đốc (Nhân sự Lãnh đạo Sở do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Số lượng Phó Giám đốc sẽ sắp xếp theo quy định trong thời hạn 05 năm).

2.2. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Tổng số 09 phòng

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Quản lý ngân sách;
- d) Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp;
- đ) Phòng Quản lý Giá, Công sản và Tài chính Doanh nghiệp;
- e) Phòng Đầu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư;
- g) Phòng Đăng ký kinh doanh;
- h) Phòng Kinh tế Đối ngoại;
- i) Tổng hợp, Quy hoạch.

2.3 Đơn vị sự nghiệp công lập: Trung tâm Nghiên cứu và tư vấn đầu tư.

3. Về biên chế công chức, số lượng người làm việc

- Tổng số biên chế giao: 119 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 87 chỉ tiêu; viên chức 24 chỉ tiêu (NSNN: 22, NTSN: 2); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 8 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 107 người (trong đó: biên chế công chức: 77 người; viên chức 22 người(NSNN: 22, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 8 người).

- Dự kiến vị trí việc làm (*Có phụ lục 4 kèm theo*)

B. ĐỐI VỚI SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ SỞ XÂY DỰNG

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Về phương án hợp nhất Sở: Hợp nhất Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng thành Sở Xây dựng.

2. Về chức năng nhiệm vụ

- Sở Xây dựng tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của 02 sở trước khi hợp nhất.
- Chuyển nhiệm vụ về sát hạch, cấp Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ từ Sở Giao thông vận tải sang Công an tỉnh.

3. Về phương án sắp xếp các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

- Hợp nhất Văn phòng Sở Giao thông vận tải và Văn phòng Sở Xây dựng thành Văn phòng Sở.
- Hợp nhất Thanh tra Sở Giao thông vận tải và Thanh tra Sở Xây dựng thành Thanh tra Sở.
- Phòng Kế hoạch Tài chính, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận nhiệm vụ kế hoạch, tài chính của Văn phòng Sở Xây dựng thành Phòng Kế hoạch Tài chính.
- Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái, Sở Giao thông vận tải giữ nguyên thành Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái.
- Phòng Quản lý hoạt động xây dựng, Sở Xây dựng giữ nguyên thành phòng Quản lý hoạt động xây dựng.
- Phòng Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng giữ nguyên thành phòng Quy hoạch kiến trúc.
- Chuyển nhiệm vụ quản lý hạ tầng kỹ thuật từ phòng Quản lý nhà, phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật, Sở Xây dựng sang phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, Sở Giao thông vận tải. Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông tiếp nhận nhiệm vụ quản lý hạ tầng kỹ thuật từ phòng Quản lý nhà, phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật thành phòng Quản lý hạ tầng.
- Hợp nhất phòng Kinh tế và vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng với phòng Quản lý nhà, phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật, Sở Xây dựng thành phòng Quản lý nhà, phát triển đô thị và vật liệu xây dựng.

4. Về phương án sắp xếp Chi cục

Tổ chức lại Chi cục Giám định xây dựng thuộc Sở Xây dựng thành phòng Giám định xây dựng. Hợp nhất phòng Giám định xây dựng thuộc Sở Xây dựng và Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải thành Phòng Quản lý chất lượng và giám định công trình thuộc Sở Xây dựng.

5. Về phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập

- Giữ nguyên tên gọi và chức năng, nhiệm vụ 04 đơn vị: Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới; Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe; Viện Quy hoạch Xây dựng; Ban quản lý bến xe khách.

- Chuyên nguyên trạng Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng thuộc Chi cục Giám định xây dựng thuộc Sở Xây dựng thành đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Xây dựng.

- Kết thúc hoạt động Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Giao thông vận tải.

- Kết thúc hoạt động Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động tĩnh.

II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Trước mắt, tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải; Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 27/8/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Quyết định quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (trừ nhiệm vụ về sát hạch, cấp Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ) cho đến khi có hướng dẫn mới của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Lãnh đạo Sở: Có Giám đốc và các Phó Giám đốc (Nhân sự Lãnh đạo Sở do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Số lượng Phó Giám đốc sẽ sắp xếp theo quy định trong thời hạn 05 năm).

2.2. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Tổng số 09 phòng

- a) Văn phòng Sở;
- b) Thanh tra Sở;
- c) Phòng Quản lý Vận tải, phương tiện và người lái;
- d) Phòng Kế hoạch Tài chính;
- đ) Phòng Quản lý hạ tầng;
- e) Phòng Quản lý hoạt động xây dựng;
- g) Phòng Quy hoạch, Kiến trúc;
- h) Phòng Quản lý nhà, phát triển đô thị và vật liệu xây dựng;
- i) Phòng Quản lý chất lượng và giám định công trình.

2.3. Đơn vị sự nghiệp công lập: Tổng số 05 đơn vị

- a) Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới;
- b) Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe;
- c) Viện Quy hoạch Xây dựng;

- d) Ban Quản lý bến xe khách;
- đ) Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng.

4. Về biên chế công chức, số lượng người làm việc

- Tổng số biên chế giao: 147 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 97 chỉ tiêu; viên chức 33 chỉ tiêu (NSNN: 33, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 17 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 137 người (trong đó: biên chế công chức: 88 người; viên chức 32 người (NSNN: 32, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 17 người).

- Dự kiến vị trí việc làm (*Có phụ lục 5 kèm theo*)

C. ĐỐI VỚI SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Về phương án hợp nhất Sở: Hợp nhất Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Về chức năng nhiệm vụ

- Tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ tổ chức bộ máy của Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tiếp nhận nhiệm vụ giảm nghèo từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Về phương án sắp xếp các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

- Hợp nhất Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Hợp nhất Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường và Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Hợp nhất phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám và phòng Khoáng sản, Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phòng Đo đạc, Bản đồ và Khoáng sản;

- Phòng Kế hoạch - Tài chính: Tiếp nhận thêm công chức làm công tác kế hoạch, tài chính của Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Về phương án sắp xếp các Chi cục

- Hợp nhất 05 Chi cục và 01 đơn vị khác thành 01 Chi cục: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản, Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản & Thủy sản, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận thêm nhiệm vụ quản lý nhà nước về giảm nghèo từ Sở Lao động Thương binh và Xã hội;

- Chi cục Thủy lợi (Tiếp nhận thêm nhiệm vụ Tài nguyên nước và khí tượng thủy văn của Sở Tài nguyên và Môi trường);

- Chi cục Kiểm lâm: Tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; Chuyển nhiệm vụ Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các loại rừng từ Chi cục Kiểm lâm về Phòng Quản lý môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5. Về phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập

- Hợp nhất 02 Trung tâm: Trung tâm Phát triển Lâm nông nghiệp và Trung tâm Giống nông nghiệp, thành Trung tâm Phát triển nông, lâm nghiệp tỉnh.

- Hợp nhất 03 Trung tâm: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Trung tâm Kiểm nghiệm chứng nhận chất lượng đất & Vật tư nông nghiệp, Trung tâm Kiểm định giám sát công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn thành Trung tâm Nước sạch nông thôn và Kiểm định, kiểm nghiệm.

- Trung tâm Nước sạch nông thôn và Kiểm định, kiểm nghiệm sau khi hợp nhất tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ về chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật của Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

- Hợp nhất Trung tâm Công nghệ thông tin và Tài nguyên môi trường và Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành Văn phòng đăng ký đất đai.

- Tổ chức lại Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành Trung tâm Phát triển quỹ đất là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh.

II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Trước mắt, tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Quyết định số 71/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 54/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tiếp nhận nhiệm vụ giảm nghèo từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cho đến khi có hướng dẫn mới của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Lãnh đạo Sở: Có Giám đốc và các Phó Giám đốc (Nhân sự Giám đốc do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Số lượng Phó Giám đốc sẽ sắp xếp theo quy định trong thời hạn 05 năm)

2.2. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Tổng số 07 phòng

a) Văn phòng Sở;

b) Thanh tra Sở;

c) Phòng Kế hoạch - Tài chính;

- d) Phòng Quản lý xây dựng công trình;
- đ) Phòng Quản lý đất đai;
- e) Phòng Quản lý môi trường;
- g) Phòng Đo đạc, Bản đồ và Khoáng sản.

2.3. Chi cục thuộc Sở: Tổng số 03 Chi cục

- a) Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Chi cục Thủy lợi;
- c) Chi cục Kiểm lâm.

2.4. Đơn vị sự nghiệp công lập: Tổng số 05 đơn vị

- a) Trung tâm Khuyến nông;
- b) Trung tâm Phát triển nông, lâm nghiệp;
- c) Trung tâm Nước sạch nông thôn và Kiểm định, kiểm nghiệm;
- d) Văn phòng Đăng ký đất đai;
- đ) Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

3. Về biên chế công chức, số lượng người làm việc

- Tổng số biên chế giao: 484 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 220 chỉ tiêu; viên chức 200 chỉ tiêu (NSNN: 171, NTSN: 29); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 64 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 390 người (trong đó: biên chế công chức: 199 người; viên chức 129 người (NSNN: 129, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 62 người).

- Dự kiến vị trí việc làm (*Có phụ lục 6 kèm theo*)

D. ĐỐI VỚI SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Về phương án hợp nhất Sở: Hợp nhất Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Khoa học và Công nghệ thành Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Về chức năng nhiệm vụ

- Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của 02 Sở trước khi hợp nhất;

- Tiếp nhận nhiệm vụ công tác thông tin đối ngoại từ Sở Ngoại vụ;

- Chuyển chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy nhà nước về báo chí, xuất bản từ Sở Thông tin và Truyền thông sang Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn, an ninh thông tin mạng từ Sở Thông tin và Truyền thông sang Công an tỉnh.

3. Về phương án sắp xếp các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

- Hợp nhất Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ và Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông thành Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ.

- Hợp nhất Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ và Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông thành Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ.

- Hợp nhất Phòng Quản lý Khoa học thuộc Sở Khoa học, Công nghệ và Phòng Quản lý công nghệ thuộc Sở Khoa học, Công nghệ thành Phòng Khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

- Hợp nhất Phòng Công nghệ thông tin và Phòng Bưu chính - Viễn thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông thành Phòng Chuyên đổi số thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Về phương án sắp xếp các Chi cục

- Tổ chức lại Chi cục Tiêu chuẩn đo lường, chất lượng thuộc Sở Khoa học, Công nghệ thành Phòng Tiêu chuẩn đo lường, chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Về phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập

- Giữ nguyên tên gọi và chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Ứng dụng và Đổi mới sáng tạo.

- Hợp nhất Trung tâm Hạ tầng số và An toàn thông tin và Trung tâm Hỗ trợ chuyển đổi số, trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông thành Trung tâm Hạ tầng số và An toàn thông tin trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ. Sau khi hợp nhất, Sở Khoa học và Công nghệ trình cấp có thẩm quyền tổ chức lại đơn vị sự nghiệp theo quy định.

- Chuyển nhiệm vụ tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin của Trung tâm Hỗ trợ chuyển đổi số thuộc Sở Thông tin và Truyền thông về Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

- Chuyển nguyên trạng Cổng Thông tin điện tử tỉnh thuộc Sở Thông tin và Truyền thông về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để sáp nhập với Trung tâm Tin học - Công báo thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chuyển Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Trước mắt, tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 56/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông; Tiếp nhận nhiệm vụ công tác thông tin đối ngoại từ Sở Ngoại vụ; Chuyển chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy nhà nước về báo chí, xuất bản từ Sở Thông tin và Truyền thông sang Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn, an ninh thông tin mạng từ Sở Thông tin và Truyền thông sang Công an tỉnh cho đến khi có hướng dẫn mới của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Lãnh đạo Sở: Có Giám đốc và các Phó Giám đốc (Nhân sự Lãnh đạo Sở do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Số lượng Phó Giám đốc sẽ sắp xếp theo quy định trong thời hạn 05 năm).

2.2. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Tổng số 05 phòng

- a) Văn phòng Sở;
- b) Thanh tra Sở;
- c) Phòng Chuyển đổi số;
- d) Phòng Khoa học, Công nghệ và Sở hữu trí tuệ;
- đ) Phòng Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

2.3. Đơn vị sự nghiệp công lập: Tổng số 03 Trung tâm

- a) Trung tâm Hạ tầng số và An toàn thông tin tỉnh Vĩnh Phúc
- b) Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Vĩnh Phúc.
- c) Trung tâm Ứng dụng và Đổi mới sáng tạo tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Về biên chế công chức, số lượng người làm việc

- Tổng số biên chế giao: 113 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 53 chỉ tiêu; viên chức 48 chỉ tiêu (NSNN: 46, NTSN: 2); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 12 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 97 người (trong đó: biên chế công chức: 41 người; viên chức 47 người (NSNN: 38, NTSN: 9); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 9 người).

- Dự kiến vị trí việc làm (*Có phụ lục 07 kèm theo*)

Đ. ĐỐI VỚI SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI VÀ SỞ NỘI VỤ

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Về phương án hợp nhất Sở: Hợp nhất Sở Lao động -Thương binh và Xã hội và Sở Nội vụ thành Sở Nội vụ.

2. Về chức năng, nhiệm vụ

- Sở Nội vụ thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực Nội vụ và chức năng, nhiệm vụ về lao động, tiền lương; việc làm; người có công; an toàn, vệ sinh lao động; bảo hiểm xã hội, bình đẳng giới của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Chuyển nhiệm vụ giảm nghèo từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sang Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội sang Sở Y tế;

- Chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy sang Công an tỉnh;

- Tiếp nhận nhiệm vụ công tác người Việt Nam ở nước ngoài và công tác bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ đối ngoại từ Sở Ngoại vụ.

3. Về phương án sắp xếp các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

- Hợp nhất Văn phòng Sở Nội vụ và Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành Văn phòng Sở Nội vụ.

- Hợp nhất Thanh tra Sở Nội vụ và Thanh tra Sở Lao động thành Thanh tra Sở Nội vụ.

- Kết thúc hoạt động của Phòng Cải cách hành chính, chuyên chức năng, nhiệm vụ về phòng Xây dựng chính quyền.

- Chuyển Phòng Bảo trợ xã hội và Trẻ em, Phòng Phòng chống tệ nạn xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sang Sở Y tế.

- Chuyển Phòng Giáo dục và nghề nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh sang Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Về phương án sắp xếp các Ban

- Tổ chức lại Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ thành Phòng Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ.

- Chuyển Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ về Ban Dân tộc tỉnh.

5. Về phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập

- Tiếp nhận nguyên trạng 02 đơn vị từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về Sở Nội vụ gồm: Trung tâm Dịch vụ việc làm; Trung tâm Điều dưỡng Người có công Tam Đảo.

- Chuyển Quỹ Bảo trợ trẻ em từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sang Sở Y tế.

II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Trước mắt, tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ và một số chức

năng, nhiệm vụ về lao động, tiền lương; việc làm; người có công; an toàn, vệ sinh lao động; bảo hiểm xã hội, bình đẳng giới của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chuyển nhiệm vụ giảm nghèo từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sang Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội sang Sở Y tế; Chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy sang Công an tỉnh; Tiếp nhận chỉ tiêu biên chế, biên chế nhiệm vụ công tác người Việt Nam ở nước ngoài và công tác bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ đối ngoại từ Sở Ngoại vụ cho đến khi có hướng dẫn mới của bộ, ngành Trung ương cho đến khi có hướng dẫn mới của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Lãnh đạo Sở: Có Giám đốc và các Phó Giám đốc (Nhân sự Lãnh đạo Sở do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Số lượng Phó Giám đốc sẽ sắp xếp theo quy định trong thời hạn 05 năm)

2.2. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 09 phòng

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- d) Phòng Xây dựng chính quyền;
- đ) Phòng Tổ chức biên chế;
- e) Phòng Công chức viên chức;
- g) Phòng Người có công;
- h) Phòng Lao động - Việc làm;
- i) Phòng Thi đua - Khen thưởng.

2.3. Đơn vị sự nghiệp công lập: 03 Trung tâm

- a) Trung tâm Lưu trữ lịch sử;
- b) Trung tâm Dịch vụ việc làm;
- c) Trung tâm Điều dưỡng Người có công Tam Đảo.

3. Về biên chế công chức, số lượng người làm việc

- Tổng số biên chế giao: 166 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 78 chỉ tiêu; viên chức 65 chỉ tiêu; lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 23 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 144 người (trong đó: biên chế công chức: 71 người; viên chức 52 người; lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 21 người).

- Dự kiến vị trí việc làm (*Có phụ lục 8 kèm theo*)

E. ĐỐI VỚI SỞ NGOẠI VỤ

1. Về phương án: Kết thúc hoạt động của Sở Ngoại vụ chuyển 13 nhiệm vụ của Sở Ngoại vụ về 08 cơ quan, cụ thể như sau:

- Chuyển 01 nhiệm vụ về Văn phòng Tỉnh ủy: Công tác hợp tác và hội nhập quốc tế để đảm bảo đường lối đối ngoại của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Chuyển 02 nhiệm vụ về Sở Tài chính: Công tác ngoại giao kinh tế và công tác phi chính phủ nước ngoài

- Chuyển 01 nhiệm vụ về Sở Công Thương: Công tác lãnh sự và bảo hộ công dân.

- Chuyển 01 nhiệm vụ về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Công tác ngoại giao văn hóa.

- Chuyển 02 nhiệm vụ về Sở Nội vụ: Công tác người Việt Nam ở nước ngoài và công tác bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ đối ngoại.

- Chuyển 01 nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ: Công tác thông tin đối ngoại.

- Chuyển 01 nhiệm vụ về Thanh tra tỉnh: Công tác thanh tra ngoại giao.

- Chuyển 04 nhiệm vụ về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Công tác tổ chức và quản lý đoàn ra, đoàn vào; Công tác tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế; Công tác ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế; Công tác lễ tân đối ngoại.

2. Về biên chế công chức, số lượng người làm việc

- Đối với lãnh đạo Sở: 05 lãnh đạo (Nhân sự Giám đốc do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Số lượng Phó Giám đốc sẽ sắp xếp theo quy định trong thời hạn 05 năm)

- Đối với biên chế công chức: Chuyển về 07 cơ quan (Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra tỉnh) mỗi cơ quan 01 công chức; còn lại 03 công chức chuyên môn và 04 hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP chuyển về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để sắp xếp, bố trí.

G. ĐỐI VỚI BAN DÂN TỘC

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Về tên gọi: Sở Dân tộc và Tôn giáo

2. Về chức năng nhiệm vụ

Tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước về tôn giáo từ Sở Nội vụ.

3. Về phương án sắp xếp các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

- Giữ nguyên Văn phòng và Phòng Chính sách dân tộc.

- Tiếp nhận Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ để bố trí thành Phòng Tôn giáo.

II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Trước mắt tiếp tục thực hiện chức năng nhiệm vụ theo Quyết định số 55/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc và thực hiện nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước về tôn giáo từ Sở Nội vụ cho đến khi có hướng dẫn mới của bộ, ngành Trung ương cho đến khi có hướng dẫn mới của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Lãnh đạo Sở: Có Giám đốc và các Phó Giám đốc (Nhân sự Lãnh đạo Sở do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Số lượng Phó Giám đốc sẽ sắp xếp theo quy định trong thời hạn 05 năm)

2.2. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ

- a) Văn phòng;
- b) Phòng Chính sách Dân tộc;
- c) Phòng Tôn giáo.

3. Về biên chế công chức, số lượng người làm việc

- Tổng số biên chế giao: 26 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 21 chỉ tiêu; lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 5 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 24 người (trong đó: biên chế công chức: 19 người; lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 5 người).

- Dự kiến vị trí việc làm (*Có phụ lục 09 kèm theo*)

H. ĐỐI VỚI SỞ Y TẾ

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Về tên gọi: Sở Y tế

2. Về chức năng nhiệm vụ

- Tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, chỉ tiêu biên chế, biên chế tham mưu quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội; quản lý sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em theo quy định từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu tiếp nhận nhiệm vụ theo dõi, quản lý sức khỏe cán bộ của tỉnh (sau khi kết thúc hoạt động của Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ).

3. Về phương án sắp xếp các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

- Hợp nhất Văn phòng và phòng Tổ chức cán bộ thành Phòng Tổ chức hành chính.

- Thực hiện tiếp nhận nguyên trạng 02 phòng: Phòng Bảo trợ xã hội, Phòng, phòng chống tệ nạn xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,
- Sáp nhập Phòng Bảo trợ xã hội và Phòng, phòng chống tệ nạn xã hội thành Phòng Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội.

4. Về phương án sắp xếp các Chi cục:

Tổ chức lại Chi cục Dân số thuộc Sở Y tế thành Phòng Dân số.

5. Về phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập

- Tiếp nhận 03 đơn vị thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Trung tâm Công tác xã hội; Trung tâm Nuôi dưỡng và phục hồi chức năng người tâm thần; Quỹ Bảo trợ trẻ em.
- Hợp nhất Trung tâm Pháp y và Trung tâm Giám định y khoa thành Trung tâm Giám định Y khoa - Pháp y.
- Chuyển nguyên trạng 09 Trung tâm y tế cấp huyện về Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Trước mắt, tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Quyết định số 50/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế; Tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, tham mưu quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội; quản lý sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em theo quy định từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh uỷ tham mưu tiếp nhận nhiệm vụ theo dõi, quản lý sức khỏe cán bộ của tỉnh (sau khi kết thúc hoạt động của Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ) cho đến khi có hướng dẫn mới của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Lãnh đạo Sở: Có Giám đốc và các Phó Giám đốc (Nhân sự Lãnh đạo Sở do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, quyết định. Số lượng Phó Giám đốc sẽ sắp xếp theo quy định trong thời hạn 05 năm)

2.2. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Tổng số 08 phòng

- a) Phòng Tổ chức - Hành chính;
- b) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- c) Phòng Nghiệp vụ Y - Dược;
- d) Phòng Quản lý hành nghề Y dược;
- đ) Phòng An toàn vệ sinh thực phẩm;

- e) Phòng Dân số;
- g) Phòng Bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội;
- h) Thanh tra Sở.

2.3. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: Tổng số 13 đơn vị

- a) Bệnh viện Đa khoa tỉnh;
- b) Bệnh viện Đa khoa khu vực Phúc Yên;
- c) Bệnh viện Sản - Nhi;
- d) Bệnh viện Y Dược cổ truyền;
- đ) Bệnh viện Phục hồi chức năng;
- e) Bệnh viện Giao thông vận tải Vĩnh Phúc;
- g) Bệnh viện Tâm thần;
- h) Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;
- i) Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm;
- k) Trung tâm Giám định Y khoa - Pháp y;
- l) Trung tâm Công tác xã hội;
- m) Trung tâm Nuôi dưỡng phục hồi chức năng người Tâm thần;
- n) Quỹ Bảo trợ trẻ em.

3. Về biên chế công chức, số lượng người làm việc

- Tổng số biên chế giao: 2044 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 62 chỉ tiêu; viên chức 1.970 chỉ tiêu (NSNN:1930, NTSN: 40); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 12 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 1830 người (trong đó: biên chế công chức: 47 người; viên chức 1762 người (NSNN: 1762, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 12 người).

- Dự kiến vị trí việc làm (*Có phụ lục 10 kèm theo*)

H. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Về tên gọi: Sở Giáo dục và Đào tạo

2. Về phương án

2.1 Về chức năng nhiệm vụ

- Tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, chỉ tiêu biên chế, biên chế tham mưu quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tiếp nhận nhiệm vụ tham mưu về công tác hỗ trợ đào tạo cho Lào và các địa phương nước ngoài khác từ Sở Ngoại vụ.

2.2. Về phương án sắp xếp các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

- Tiếp nhận Phòng Giáo dục nghề nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hợp nhất phòng Giáo dục thường xuyên, chuyên nghiệp - Giáo dục mầm non thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục nghề nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành Phòng Giáo dục Mầm non, thường xuyên, nghề nghiệp (đồng thời tiếp nhận nhiệm vụ tham mưu về công tác hỗ trợ đào tạo cho Lào và các địa phương nước ngoài khác từ Sở Ngoại vụ¹).

- Hợp nhất Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục và Thanh Tra thành Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra.

2.3. Về phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập

- Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh: Tiếp nhận nhiệm vụ tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin của Trung tâm Hỗ trợ chuyển đổi số thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

- Tiếp nhận nguyên trạng 07 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố.

- Giải thể Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục và hòa nhập.

II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Trước mắt, tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 16/02/2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 24/05/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, thực hiện chức năng, nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; tham mưu về công tác hỗ trợ đào tạo cho Lào và các địa phương nước ngoài khác từ Sở Ngoại vụ cho đến khi có hướng dẫn mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Lãnh đạo Sở: Có Giám đốc và các Phó Giám đốc (Nhân sự Lãnh đạo Sở do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Số lượng Phó Giám đốc sẽ sắp xếp theo quy định trong thời hạn 05 năm).

2.2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Tổng số 06 phòng

a) Văn phòng;

b) Phòng Quản lý chất lượng - Thanh tra;

¹ Quản lý, tham mưu chính sách hỗ trợ kịp thời cho 168 lưu học sinh Lào đang học tập tại các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; tiếp tục chủ trì tham mưu cho tỉnh ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cho lưu học sinh Lào do tỉnh Vĩnh Phúc đài thọ trong trường hợp Sở Ngoại vụ kết thúc hoạt động trước khi Nghị Quyết được ban hành.

- c) Tổ chức cán bộ - Chính trị tư tưởng;
- d) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- đ) Phòng Giáo dục phổ thông;
- e) Phòng Giáo dục Mầm non, thường xuyên, nghề nghiệp.

2.3. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: Tổng số 40 đơn vị

- a) 32 Trường Trung học phổ thông;
- b) 07 Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện;
- c) Trung tâm GDTX tỉnh.

3. Về biên chế công chức, số lượng người làm việc

- Tổng số biên chế giao: 2.461 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 47 chỉ tiêu; viên chức 2.410 chỉ tiêu (NSNN: 2.153, NTSN: 257); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 4 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 2348 người (trong đó: biên chế công chức: 45 người; viên chức 2299 người (NSNN: 2153, NTSN: 146); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 4 người).

- Dự kiến vị trí việc làm (*Có phụ lục 11 kèm theo*)

I. SỞ CÔNG THƯƠNG

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Về tên gọi: Sở Công Thương

2. Về phương án

2.1 Về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn:

Tiếp nhận nhiệm vụ công tác lãnh sự và bảo hộ công dân từ Sở Ngoại vụ.

2.2 Về phương án sắp xếp các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

Hợp nhất phòng Kế hoạch-Tài chính-Tổng hợp và Văn phòng thành Văn phòng.

2.3 Về phương án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập

Chuyển nhiệm vụ xúc tiến thương mại của Trung tâm Phát triển công thương thuộc Sở Công Thương về Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh.

2.4 Về phương án sắp xếp các Chi cục

Tiếp nhận nguyên trạng Cục Quản lý quản lý thị trường từ Bộ Công Thương và tổ chức lại thành Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương.

II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Trước mắt tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công thương tại Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức

của Sở Công Thương và Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương; Tiếp nhận nhiệm vụ công tác lãnh sự và bảo hộ công dân từ Sở Ngoại vụ cho đến khi có hướng dẫn mới của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

2. Về cơ cấu tổ chức:

2.1. Lãnh đạo Sở: Có Giám đốc và các Phó Giám đốc (Nhân sự Lãnh đạo Sở do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Số lượng Phó Giám đốc sẽ sắp xếp theo quy định trong thời hạn 05 năm).

2.2 Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Tổng số 05 phòng

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Quản lý Năng lượng;
- d) Phòng Quản lý Thương mại;
- đ) Phòng Quản lý Công nghiệp.

2.3 Chi cục thuộc Sở: Chi cục Quản lý thị trường

2.4 Đơn vị sự nghiệp công lập: Trung tâm Phát triển công thương

3. Về biên chế công chức, số lượng người làm việc

- Tổng số biên chế giao: 76 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 37 chỉ tiêu; viên chức 33 chỉ tiêu (NSNN: 33); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 6 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 70 người (trong đó: biên chế công chức: 32 người; viên chức 32 người (NSNN: 32); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 6 người).

- Dự kiến vị trí việc làm (*Có phụ lục 12 kèm theo*)

L. VĂN PHÒNG UBND TỈNH

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Về tên gọi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

2. Về phương án:

2.1 Về chức năng, nhiệm vụ

- Tiếp nhận 04 nhiệm vụ từ Sở Ngoại vụ (Công tác tổ chức và quản lý đoàn ra, đoàn vào; Công tác tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế; Công tác ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế; Công tác lễ tân đối ngoại) bổ sung cho Phòng Khoa giáo - Văn xã thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

2.2 Về các đơn vị sự nghiệp công lập

- Tiếp nhận Công thông tin điện tử từ Sở Thông tin và Truyền thông về Văn phòng UBND tỉnh

- Sáp nhập Công thông tin điện tử và Trung tâm Tin học - Công báo thành Trung tâm Thông tin - Công báo.

2.3 Về biên chế

- Tiếp nhận 03 chỉ tiêu công chức và 04 chỉ tiêu lao động hợp đồng (nếu kèm theo xe ô tô và công việc liên quan) từ Sở Ngoại vụ.

- Tiếp nhận 15 chỉ tiêu viên chức của Công thông tin điện tử thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Trước mắt tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân tỉnh Vĩnh Phúc; Tiếp nhận 04 nhiệm vụ của từ Sở Ngoại vụ (Công tác tổ chức và quản lý đoàn ra, đoàn vào; Công tác tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế; Công tác ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế; Công tác lễ tân đối ngoại) cho đến khi có hướng dẫn mới của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Lãnh đạo Văn phòng, gồm: Có Chánh Văn phòng và các Phó Chánh Văn phòng (Nhân sự Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Số lượng Phó Chánh Văn phòng sẽ sắp xếp theo quy định trong thời hạn 05 năm).

2.2. Phòng, ban, đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ: Tổng số 09 phòng, ban, tổ chức hành chính

- a) Phòng Nội chính;
- b) Phòng Kinh tế - Tổng hợp;
- c) Phòng Công nghiệp - Xây dựng;
- d) Phòng Nông nghiệp - Tài nguyên;
- đ) Phòng Khoa giáo - Văn xã;
- e) Phòng Kiểm soát Thủ tục hành chính;
- g) Phòng Hành chính - Quản trị;
- h) Ban Tiếp công dân;
- i) Trung tâm Phục vụ hành chính công.

2.3. Đơn vị sự nghiệp công lập

- a) Trung tâm Thông tin - Công báo;
- b) Nhà khách tỉnh.

4. Về biên chế công chức, số lượng người làm việc

- Tổng số biên chế giao: 122 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 51 chỉ tiêu; viên chức 36 chỉ tiêu (NSNN: 36, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 35 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 109 người (trong đó: biên chế công chức: 47 người; viên chức 29 người (NSNN 29); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 33 người).

- Dự kiến vị trí việc làm (*Có phụ lục 13 kèm theo*)

M. ĐỐI VỚI SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Về tên gọi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

2. Về phương án

2.1. Về chức năng nhiệm vụ

- Tiếp nhận nhiệm vụ quản lý báo chí, xuất bản từ Sở Thông tin và truyền thông.
- Tiếp nhận nhiệm vụ ngoại giao văn hóa từ Sở Ngoại vụ.

2.2 Về phương án sắp xếp các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

- Hợp nhất Văn phòng Sở và phòng Tổ chức cán bộ thành Văn phòng Sở;
- Hợp nhất Phòng Quản lý Gia đình và Nếp sống văn hóa thành Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình.
- Tiếp nhận phòng Quản lý Báo chí và Xuất bản từ Sở Thông tin và Truyền thông.

2.3 Về phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập

Hợp nhất Bảo tàng tỉnh và Thư viện tỉnh thành Bảo tàng - Thư viện tỉnh Vĩnh Phúc.

II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

1. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Trước mắt tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nhiệm vụ quản lý báo chí, xuất bản từ Sở Thông tin và truyền thông; Nhiệm vụ ngoại giao văn hóa từ Sở Ngoại vụ cho đến khi có hướng dẫn mới của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Lãnh đạo Sở: Có Giám đốc và các Phó Giám đốc (Nhân sự Lãnh đạo Sở do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Số lượng Phó Giám đốc sẽ sắp xếp theo quy định trong thời hạn 05 năm).

2.2. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Tổng số 07 phòng

- a) Văn phòng Sở;
- b) Thanh tra Sở;
- c) Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình;
- d) Phòng Quản lý Du lịch;
- đ) Phòng Quản lý Thể dục, thể thao;
- e) Phòng Quản lý Di sản văn hóa;
- g) Phòng Quản lý Báo chí và Xuất bản.

2.3. Đơn vị sự nghiệp công lập: Tổng số 04 đơn vị

- a) Trung tâm Văn hóa tỉnh;
- b) Nhà hát Nghệ thuật tỉnh;
- c) Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh;
- d) Bảo tàng - Thư viện tỉnh.

4. Về biên chế công chức, số lượng người làm việc

- Tổng số biên chế giao: 267 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 53 chỉ tiêu; viên chức 188 chỉ tiêu (NSNN: 182, NTSN: 6); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 26 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 245 người (trong đó: biên chế công chức: 50 người; viên chức 169 người (NSNN: 169, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 26 người).

- Dự kiến vị trí việc làm (*Có phụ lục 14 kèm theo*)

N. SỞ TƯ PHÁP

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Về tên gọi: Sở Tư pháp

2. Về phương án

2.1 Về chức năng nhiệm vụ: Chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và thực hiện dịch vụ công cấp Phiếu lý lịch tư pháp từ Sở Tư pháp về Công an tỉnh.

2.2 Về phương án sắp xếp các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

- Hợp nhất Phòng phổ biến giáo dục pháp luật và Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật thành Phòng phổ biến và Theo dõi thi hành pháp luật.

- Đổi tên Phòng Hành chính Tư pháp thành Phòng Hành chính và Bộ trợ Tư pháp.

2.3 Về phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập: Chuyển đổi Phòng Công chứng số 1 thành Văn phòng Công chứng (*Có đề án riêng*).

II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM LÀM VIỆC

1. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Trước mắt tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp (*trừ nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và thực hiện dịch vụ công cấp Phiếu lý lịch tư pháp*) cho đến khi có hướng dẫn mới của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2. Về cơ cấu tổ chức

2.1. Lãnh đạo Sở: Có Giám đốc và các Phó Giám đốc (Nhân sự Lãnh đạo Sở do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Số lượng Phó Giám đốc sẽ sắp xếp theo quy định trong thời hạn 05 năm).

2.2 Phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Tổng số 05 phòng

- a) Văn phòng Sở;
- b) Thanh tra Sở;
- c) Phòng Phổ biến và Theo dõi thi hành pháp luật;
- d) Phòng Xây dựng, kiểm tra văn bản QPPL;
- đ) Phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp.

2.3. Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở: Tổng số 02 Trung tâm

- a) Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước;
- b) Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản.

3. Về biên chế công chức, số lượng người làm việc

- Tổng số biên chế giao: 57 chỉ tiêu (trong đó: biên chế công chức: 30 chỉ tiêu; viên chức 20 chỉ tiêu (NSNN: 20, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 7 chỉ tiêu).

- Tổng số biên chế có mặt: 49 người (trong đó: biên chế công chức: 25 người; viên chức 20 người (NSNN: 20, NTSN: 0); lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP: 4 người).

- Dự kiến vị trí việc làm (*Có phụ lục 15 kèm theo*)

O. THANH TRA TỈNH

(*Thực hiện theo Đề án của Thanh tra Chính phủ về sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra theo cấp hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả*).

Phần thứ năm
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP NHÂN SỰ,
TÀI CHÍNH, TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ HOẠT ĐỘNG

I. SẮP XẾP NHÂN SỰ

1. Giám đốc, Phó Giám đốc Sở

- Các sở, ngành sau sáp nhập có Giám đốc và các Phó Giám đốc. Số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở thực hiện theo Nghị định của Chính phủ, Quy định số 18-QĐ/TU ngày 18/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và các quy định khác có liên quan.

- Trước mắt bố trí số lượng Giám đốc và Phó Giám đốc hiện có của 02 sở. Từng bước thực hiện sắp xếp, giảm số lượng cấp phó để đến thời điểm theo hướng dẫn tại Công văn số 7968/BNV-CCVC ngày 08/12/2024 của Bộ Nội vụ về việc định hướng xây dựng phương án bố trí, sắp xếp cán bộ công chức viên chức và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính.

2. Đối với lãnh đạo cấp phòng

- Sắp xếp, tổ chức theo số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng của sở thực hiện theo quy định hiện hành, đảm bảo đúng quy định (trình độ chuyên môn, sức khỏe, độ tuổi ...), phù hợp với thực tiễn, phát huy được tối đa các nguồn lực sau khi sáp nhập. hướng dẫn tại Công văn số 7968/BNV-CCVC ngày 08/12/2024 của Bộ Nội vụ về việc định hướng xây dựng phương án bố trí, sắp xếp cán bộ công chức viên chức và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính.

- Việc sắp xếp lãnh đạo cấp phòng hiện có; điều kiện tiêu chuẩn, năng lực thực tiễn của từng người để xây dựng phương án sắp xếp lại trưởng, phó các phòng, trung tâm đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, hợp lý, hiệu quả báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt trước khi thực hiện; Đối với cấp trưởng đôi dư sẽ chuyển xuống cấp phó hoặc có thể chuyển sang trưởng đơn vị mới (nếu có).

- Với những sở đã được bổ nhiệm giữ chức vụ người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu và tương đương, sau khi kiện toàn tổ chức bộ máy thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ thì được hưởng bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo, áp dụng quy định tại Quyết định số 140/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các chức danh lãnh đạo trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

- Trường hợp số lượng cấp phó các đơn vị vượt quá theo quy định, trong thời gian 05 năm kể từ ngày sáp nhập, có phương án tinh giản số lượng cấp phó đáp ứng quy định tại Nghị định 120/2020/NĐ-CP.

3. Về sắp xếp công chức, viên chức, lao động hợp đồng

- Đối với cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động có nguyện vọng, đủ tuổi nghỉ hưu theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ, có nguyện vọng thôi việc theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ, các sở lập danh sách để xem xét, giải quyết theo quy định. Sau khi thực hiện các giải pháp sắp xếp trên nếu còn công chức, viên chức dôi dư, các sở đề xuất cấp có thẩm quyền điều chuyển đến các cơ quan đơn vị khác trong tỉnh.

- Giám đốc các sở chịu trách nhiệm bố trí phân công vị trí việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, phù hợp với Đề án vị trí việc làm của sở xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp thực tế của đơn vị; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chuyển số nhân viên là viên chức dôi dư đến đơn vị khác thuộc tỉnh.

II. VỀ XỬ LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

1. Về xử lý tài chính

- Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 13749/BTC-NSNN ngày 14/12/2024 về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, tài sản, ngân sách nhà nước trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy; Sở Tài chính tại Công văn số 3005/STC-SN-QLCN ngày 30/12/2024 về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài sản, tài chính, ngân sách nhà nước trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan, hướng dẫn công tác lập dự toán việc xử lý tài sản, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức tại các sắp xếp cơ quan chuyên môn thực hiện sắp xếp để có phương án chuyển đổi, quản lý, sắp xếp và sử dụng có hiệu quả, tránh lãng phí, tiêu cực hoặc để tài sản, trụ sở hư hỏng, xuống cấp gây thất thoát lãng phí.

- Cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của sở sau sắp xếp phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế của địa phương.

- Thủ trưởng các sở sau hợp nhất xây dựng và triển khai phương án xử lý cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, tài sản công của sở thực hiện sắp xếp để kịp thời điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật; bảo đảm bố trí, sắp xếp, sử dụng, khai thác hiệu quả tài sản công hiện có.

2. Về xử lý tài sản

Các sở rà soát toàn bộ tài sản, trang thiết bị làm việc của cơ quan, quản lý để bố trí, sử dụng, trong đó:

- Đối với các tài sản đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật quản lý, sử dụng tài sản công thì thực hiện thanh lý theo quy định.

- Đối với các tài sản vẫn còn tiếp tục sử dụng được: Điều chuyển sang cơ quan mới tiếp tục thực hiện

Phần thứ sáu**TÍNH KHẢ THI, HIỆU QUẢ VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG****I. TÍNH KHẢ THI****1. Phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước*****a) Đề án được xây dựng trên cơ sở chính trị vững chắc:***

Tiếp thu, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối nghị quyết, kết luận, Kế hoạch, Kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo Chính phủ, Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Kết luận số 09-KL/BCĐ phiên họp lần thứ nhất ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã ban hành; Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban chỉ đạo Chính phủ về việc tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ; Kết luận số 221-KL/TU ngày 06/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương triển khai một số định hướng về tiếp tục đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 04-KL/BCĐ ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 09-KL/BCĐ của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Kế hoạch số 256-KH/TU ngày 06/01/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Vĩnh Phúc; Phương án số 01-PA/TU ngày 06/01/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Vĩnh Phúc.

b) Đề án được xây dựng trên cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể:

Tuân thủ theo Hiến pháp năm 2013; các văn bản quy phạm pháp luật: Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, hợp nhất, giải thể tổ chức hành chính; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành

lập, hợp nhất, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập... các văn bản chuyên ngành có liên quan, các thông tư hướng dẫn của bộ ngành..., đảm bảo tính chặt chẽ, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Phù hợp với xu thế chung và quy luật tất yếu của sự phát triển

Đề án đề cập đến các nhiệm vụ và giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo đồng bộ, tinh gọn, hiệu quả; từng bước khắc phục tình trạng công kênh, chồng chéo, nhiều tầng nấc trung gian. Do vậy, Đề án đã khẳng định sự lựa chọn đúng đắn và phù hợp với xu thế tất yếu chung của cả nước.

3. Có quyết tâm chính trị cao của các cấp ủy đảng, chính quyền; thực hiện quy trình chặt chẽ

Đề án được xây dựng trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị kết hợp nghiên cứu, đánh giá quy định của Trung ương và tình hình thực tiễn tại các địa phương, đơn vị. Quá trình xây dựng Đề án có sự tham gia đóng góp tích cực của các sở, ngành, các cơ quan, đơn vị. Qua đó thể hiện được nguyện vọng của các cấp, các ngành, tạo cơ sở vững chắc xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và xây dựng đội ngũ công chức, viên chức đủ khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

4. Khả năng thực hiện của đội ngũ

- Thông qua sắp xếp tổ chức bộ máy gắn liền với tinh giản biên chế sẽ bổ sung, thu hút được nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn cao vào làm việc trong hệ thống chính trị các cấp. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; triển khai tốt các khâu trong công tác cán bộ như: đẩy mạnh đào tạo, rèn luyện và bồi dưỡng; tăng cường công tác đánh giá đa chiều về chất lượng đội ngũ công chức, viên chức góp phần nâng cao năng lực, khả năng thích ứng của đội ngũ công chức, viên chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

- Đề án triển khai theo lộ trình phù hợp với từng giải pháp cụ thể theo hướng vừa làm vừa rút kinh nghiệm sẽ giảm áp lực cho các tổ chức, công chức, viên chức, nhất là các đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

II. HIỆU QUẢ VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Về chính trị

- Khẳng định quyết tâm đổi mới của Đảng và Nhà nước ta trong đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở theo tinh thần chỉ đạo của Tổng bí thư: Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ đổi mới.

- Đề án đề xuất mô hình, giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại của một số tổ chức trong hệ thống chính trị hiện nay; góp phần giảm đầu mối, giảm biên chế thông qua mô hình tổ chức bộ máy hành chính hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Điều này sẽ góp phần nâng cao được hiệu quả công việc, tăng thu nhập cho người lao động, loại bỏ ra khỏi bộ máy hành chính

những công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, trình độ yếu kém và đặc biệt là góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện hội nhập quốc tế.

2. Về tổ chức bộ máy

Sau khi thực hiện đề án, toàn tỉnh giảm được **66 đầu mối** gồm:

- Từ 19 sở xuống còn 13 sở, **giảm 06 sở**.
- Từ 111 phòng thuộc sở xuống còn 88 phòng, **giảm 23 phòng**.
- Từ 12 chi cục xuống còn 04 chi cục, **giảm 08 chi cục**.
- Từ 26 phòng thuộc chi cục xuống còn 14 phòng, **giảm 12 phòng**.
- Từ 96 đơn vị sự nghiệp thuộc sở xuống còn 79 đơn vị **giảm 17 đơn vị**.

(Chi tiết có các biểu phụ lục 1A, 1B, 1A, 2B, 2A, 3B kèm theo)

3. Về kinh tế

- Nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước, bảo đảm tiết kiệm, chặt chẽ, hướng tới xây dựng và thực hiện phương thức quản lý ngân sách theo đầu ra đồng thời tiết kiệm được nguồn lực thông qua xã hội hóa; nguồn ngân sách nhà nước tiết kiệm được dùng để chi cho những nhiệm vụ quan trọng bảo đảm an sinh xã hội, tăng trưởng kinh tế bền vững. Nguồn tiết kiệm là nguồn lực để thực hiện tiến hành sắp xếp, tinh giản đối với bộ máy, theo hướng tập trung chi cho chính sách cho con người.

- Dự kiến sau khi triển khai thực hiện Đề án sẽ tiết kiệm được một phần chi thường xuyên và chi đầu tư cơ sở vật chất. Nguồn kinh phí tiết kiệm được để phục vụ công việc sắp xếp, tinh giản bộ máy theo hướng tập trung chi cho con người, chi đầu tư các công trình phúc lợi xã hội như phục vụ nhân dân và chi cho đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức để đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

4. Về xã hội

- Tạo ra sự công bằng xã hội giữa người làm, người không làm, người làm ít với người làm nhiều, người có trình độ năng lực công tác và người hạn chế trình độ, năng lực công tác; tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong công việc để khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành nhiệm vụ hiệu quả.

- Hình thành một xã hội và môi trường văn minh, hiện đại, góp phần nâng cao điều kiện sinh hoạt, vui chơi, hưởng thụ tốt nhất cho nhân dân.

5. Dự báo khó khăn, vướng mắc và biện pháp khắc phục

a) Khó khăn, vướng mắc

- Về cơ sở pháp lý: Một số vấn đề cụ thể chưa có quy định và hướng dẫn của Trung ương; một số văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy chưa thay đổi kịp với tình hình thực tiễn...

- Về tư tưởng cán bộ: Tư tưởng trì trệ, ngại đổi mới, làm việc theo thói quen, cá biệt có biểu hiện tiêu cực, cản trở, gây khó khăn trong quá trình sắp xếp. Một bộ phận công chức, viên chức bị tác động do sắp xếp đôi dư có tâm lý băn khoăn, lo lắng ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác. Tâm trạng lo lắng về việc làm, đời sống của bản thân, gia đình và cũng như công việc.

- Do số lượng cơ quan thuộc diện sắp xếp lớn, phạm vi tác động rộng, không tránh khỏi sự tác động đến tư tưởng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đang giữ chức vụ lãnh đạo.

- Thực hiện phương án sắp xếp tinh gọn bộ máy như trên thì quy mô, phạm vi của một số cơ quan, đơn vị sau sáp nhập quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, đặt ra yêu cầu cao đối với người đứng đầu và đội ngũ lãnh đạo của đơn vị. Vì vậy cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng trong công tác nhân sự để bảo đảm triển khai phương án đồng bộ, hiệu quả.

- Đối với việc sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước liên quan đến điều chỉnh tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của một số sở, ngành đang được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật

- Sự xáo trộn nhất định khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy và đội ngũ: Sau khi thực hiện Đề án, sẽ giảm một số đầu mối, chức danh, hay đổi chức năng, nhiệm vụ. Đồng thời sau sắp xếp, kiện toàn, các cơ quan, đơn vị sẽ gặp khó khăn bước đầu trong thực hiện.

- Khả năng thích ứng của đội ngũ công chức, viên chức; sự hoàn thiện của các quy chế, quy định và giải pháp khắc phục: Sau khi sắp xếp, kiện toàn bộ máy và chức năng, nhiệm vụ một số công chức, viên chức chưa kịp thích ứng với công việc và nhiệm vụ mới do sự thay đổi phương thức làm việc, quản lý giữa cơ quan với các tổ chức, doanh nghiệp và công dân nên có những xáo trộn, khó khăn nhất định; Việc hoàn thành các quy chế, quy định từ Trung ương đến tỉnh thiếu đồng bộ, chưa được kịp thời.

b) Biện pháp khắc phục

Để từng bước khắc phục những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện Đề án, ngoài việc thực hiện đồng bộ các giải pháp đã nêu trong Đề án, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh cần tập trung chỉ đạo quyết liệt việc đẩy mạnh thực hiện công tác tuyên truyền công chức, viên chức nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất ý chí và hành động trong hệ thống chính trị từ tỉnh tới cơ sở, mở rộng dân chủ trong thảo luận xây dựng đề án.

Phần thứ bảy

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH VÀ DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập, bãi bỏ các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong tháng 02/2025.

2. Các sở, ngành trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị sau khi tổ chức lại theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương (*dự kiến Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2025*).

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRÁCH NHIỆM CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

1. Công tác chỉ đạo, tuyên truyền, quán triệt

- Cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, nhất là người đứng đầu phải coi việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức là nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng từ nay đến cuối nhiệm kỳ; Quán triệt, triển khai đầy đủ nội dung, mục tiêu của Đề án; thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng tạo sự thống nhất trong cán bộ, đảng viên, công chức và người lao động. Làm tốt công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo thực hiện Đề án đúng lộ trình đề ra; định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện Đề án.

- Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương có kế hoạch tuyên truyền phổ biến sâu, rộng đến đội ngũ công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về chủ trương của Tỉnh ủy trong sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức để tạo sự đồng thuận cao về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp xây dựng kế hoạch, tổ chức quán triệt, tuyên truyền rộng rãi nội dung Đề án đến đoàn viên, hội viên và nhân dân.

- Các cơ quan thông tin, truyền thông của tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về mục đích, ý nghĩa của việc triển khai Phương án của Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh; định hướng dư luận, tạo sự ủng hộ của nhân dân trong tỉnh, nhất là những nội dung liên quan trực tiếp đến cơ sở.

2. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành triển khai thực hiện Đề án; Kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Đề án, kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy giải quyết các khó

khẩn, vướng mắc trong việc sắp xếp cán bộ lãnh đạo các sở, ban, ngành thực hiện sắp xếp. Kịp thời đề xuất khen thưởng tổ chức, thực hiện tốt và kiến nghị xử lý những tổ chức, các nhân chưa thực hiện tốt Đề án.

3. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước và nội dung Đề án.

4. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Giám sát việc sắp xếp, sáp nhập một số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đảm bảo đúng quy định; đồng thời nghiên cứu, quán triệt nội dung Đề án đề đồng đảo tầng lớp nhân dân.

5. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp sở, ban, ngành hoàn thiện tham mưu Đề án tổng thể sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy khối nhà nước tỉnh và các nội dung khác có liên quan; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Thẩm định dự thảo Quyết định quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở, ngành.

- Tham mưu, xây dựng Nghị quyết báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ chế độ, chính sách để đảm bảo quyền lợi cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Đề xuất Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, kiện toàn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân cấp của tỉnh.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định điều chuyển chỉ tiêu biên chế công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP; Điều động công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của các cơ quan, đơn vị thuộc diện hợp nhất, tổ chức lại.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức của các sở sau khi hợp nhất và các sở thực hiện tổ chức lại.

- Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thu thập hồ sơ, chỉnh lý, xác định giá trị tài liệu, bố trí kho lưu trữ và bảo quản tài liệu lưu trữ; kiểm tra việc chuẩn bị tài liệu của cơ quan, tổ chức và thực hiện việc tiếp nhận tài liệu khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị vào lưu trữ lịch sử theo quy định.

- Tăng cường, thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời theo quy định; kịp thời đề xuất cấp thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm người đứng đầu nếu có biểu hiện né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, thiếu tinh thần hợp tác, hoàn thành công việc chậm tiến độ, thời gian theo yêu cầu của tỉnh.

6. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan để ban hành văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc diện hợp nhất, tổ chức lại trong việc xây dựng phương án chi tiết về xử lý tài chính, tài sản cố định khi hợp nhất, tổ chức lại để các cơ quan, đơn vị căn cứ thực hiện bảo đảm nguyên tắc về tài chính, tài sản khi chuyển giao thực hiện hợp nhất, tổ chức lại.

- Phối hợp với các Sở thuộc diện hợp nhất, Kho bạc Nhà nước, cơ quan liên quan hướng dẫn, thẩm định, quyết toán các nguồn kinh phí theo quy định, bảo đảm tiến độ, thời gian của các cơ quan hợp nhất đi vào hoạt động đúng thời gian, không bị gián đoạn. Kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tham mưu, thực hiện nhiệm vụ thanh quyết toán các khoản kinh phí của các cơ quan, đơn vị (nếu có).

- Rà soát, nghiên cứu, đề xuất việc bố trí, sử dụng trụ sở làm việc, tài chính, tài sản cụ thể của từng cơ quan, đơn vị để tránh thất thoát, lãng phí, thực sự tiết kiệm, hiệu quả theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương.

- Tổng hợp, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý tài sản công (bán thanh lý, chuyển giao cho cơ quan, đơn vị khác...) đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện hợp nhất, tổ chức lại.

- Bố trí nguồn kinh phí cấp cho các cơ quan, đơn vị từ nguồn ngân sách nhà nước để tổ chức, triển khai thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Hướng dẫn các đơn vị trong việc bàn giao tài chính, tài sản và thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao quyền tự chủ tài chính, phân loại mức độ tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp sau khi sắp xếp. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi, điều chỉnh kinh phí từ đơn vị cũ sang đơn vị mới (nếu có).

- Phối hợp với các sở, ngành nghiên cứu, rà soát và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sắp xếp, thu hồi các trụ sở theo lộ trình, đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan dự toán kinh phí, cân đối ngân sách và thẩm tra kinh phí thực hiện Đề án đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

- Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến việc thực hiện Đề án, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

7. Sở Xây dựng: Phối hợp với các sở, ngành có phương án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc bảo đảm các điều kiện theo quy định để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tinh cân đối nguồn vốn thực hiện Đề án theo quy định của Luật Đầu tư công.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn sở, ngành hoàn thiện các thủ tục pháp lý trong lĩnh vực tài nguyên môi trường theo đúng quy định.

10. Sở Thông tin và Truyền thông: Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền mục tiêu, ý nghĩa và tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy của tỉnh;

hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí của tỉnh, hệ thống truyền thanh cơ sở đưa tin kịp thời và thường xuyên về tiến độ thực hiện, các điển hình và phổ biến kinh nghiệm về triển khai thực hiện Đề án.

11. Công an tỉnh: Phối hợp với các sở, ngành thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

12. Các sở, ban, ngành: Theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện, tham mưu thực hiện các công việc có liên quan đến việc sắp xếp các cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng các quy định pháp luật hiện hành. Có trách nhiệm thực hiện nghiêm các nhiệm vụ theo Đề án đã đề ra.

13. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh; Tỉnh Đoàn Vĩnh Phúc: Hướng dẫn sở, ngành chuyển các hoạt động về tổ chức công đoàn, các tổ chức đoàn thanh niên của các sở, ngành sau sắp xếp, bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục, quy định của điều lệ, pháp luật hiện hành.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Đề án này. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp chung báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo thống nhất thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh; (đề b/c)
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị xã hội;
- Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;
- Các huyện, thành ủy;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Vĩnh Phúc; Đài PT-TH tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- CV NCTH VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Duy Đông

Phụ lục 1A
THỰC TRẠNG CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
THUỘC UBND TỈNH TRƯỚC KHI SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên sở, ngành	Tên phòng chuyên môn, nghiệp vụ	Số lượng
1	Sở Nội vụ	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Tổ chức biên chế; Phòng Công chức, viên chức; Phòng Xây dựng chính quyền; Phòng Cải cách hành chính	6
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Đo đạc, bản đồ và Viễn thám; Phòng Khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn; Phòng Quản lý môi trường; Phòng Quản lý đất đai	6
3	Thanh tra tỉnh	Văn phòng; 03 phòng thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo (1,2,3); Thanh tra phòng chống tham nhũng; Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra.	6
4	Sở Tư pháp	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Xây dựng và kiểm tra văn bản Quy phạm pháp luật; Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật; Phòng Phổ biến giáo dục pháp luật; Phòng Hành chính tư pháp.	6
5	Ban Dân tộc	Văn phòng; Phòng Chính sách dân tộc	2
6	Sở Nông nghiệp & PTNT	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Quản lý xây dựng công trình.	5
7	Sở Xây dựng	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Quy hoạch kiến trúc; Phòng Quản lý xây dựng; Phòng Kinh tế và vật liệu xây dựng; Phòng Quản lý nhà và phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật	6
8	Sở Công Thương	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Kế hoạch - Tài chính - Tổng hợp; Phòng Quản lý năng lượng; Phòng Quản lý công nghiệp và kỹ thuật; Phòng Quản lý thương mại và Hợp tác quốc tế	6
9	Sở Kế hoạch & Đầu tư	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Đăng ký kinh doanh; Phòng Đấu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư; Phòng Kinh tế đối ngoại; Phòng Tổng hợp, Quy hoạch; Phòng Quản lý ngành	7
10	Sở Lao động - TB&XH	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Giáo dục nghề nghiệp; Phòng Người có công; Phòng Lao động - Việc làm; Phòng Bảo trợ xã hội và Trẻ em; Phòng chống tệ nạn xã hội	8
11	Sở Ngoại vụ	Văn phòng; Phòng Hợp tác quốc tế và Lãnh sự	2
12	Sở Văn hóa TT & Du lịch	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Quản lý văn hóa; Phòng Quản lý gia đình và nếp sống văn hóa; Phòng Quản lý du lịch; Phòng Quản lý thể dục thể thao; Phòng Quản lý di sản văn hóa	8
13	Sở Giao thông vận tải	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Kế hoạch tài chính; Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông; Phòng Quản lý vận tải và phương tiện người lái; Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông.	6
14	Sở Tài chính	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Quản lý ngân sách; Phòng Tài chính đầu tư; Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp; Phòng Quản lý giá - công sản và Tài chính doanh nghiệp.	6
15	Sở Giáo dục & Đào tạo	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Tổ chức cán bộ - Chính trị tư tưởng; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Giáo dục phổ thông; Phòng Giáo dục thường xuyên, chuyên nghiệp - Giáo dục mầm non; Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục	7

TT	Tên sở, ngành	Tên phòng chuyên môn, nghiệp vụ	Số lượng
16	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Quản lý khoa học; Phòng Quản lý công nghệ và sở hữu trí tuệ	4
17	Sở Y tế	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Nghiệp vụ Y - Dược; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Quản lý hành nghề Y dược; Phòng An toàn vệ sinh thực phẩm	7
18	Sở Thông tin & Truyền thông	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Chuyển đổi số; Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản	4
19	Văn phòng UBND tỉnh	Phòng Kinh tế - Tổng hợp; Phòng Công nghiệp - xây dựng; Phòng Nông nghiệp - Tài nguyên; Phòng Khoa giáo - Văn xã; Phòng Nội chính; Phòng Hành chính - Quản trị; Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính; Ban Tiếp công dân; Trung tâm Phục vụ hành chính công	9
	Tổng cộng		111

Phụ lục 1B
SỐ LƯỢNG CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
THUỘC UBND TỈNH SAU KHI SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên sở, ngành	Tên phòng chuyên môn, nghiệp vụ	Số lượng
1	Sở Tài chính	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Quản lý ngân sách; Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp; Phòng quản lý Giá, Công sản và Tài chính Doanh nghiệp; Phòng Đầu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư; Phòng Đăng ký kinh doanh; Phòng Kinh tế Đối ngoại; Tổng hợp, Quy hoạch.	9
2	Sở Xây dựng	Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Quản lý Vận tải, phương tiện và người lái; Phòng Kế hoạch Tài chính; Phòng Quản lý hạ tầng; Phòng Quản lý hoạt động xây dựng; Phòng Quy hoạch, Kiến trúc; Phòng Quản lý nhà, phát triển đô thị và vật liệu xây dựng; Phòng Quản lý chất lượng và giám định công trình.	9
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Quản lý xây dựng công trình; Phòng Quản lý đất đai; Phòng Quản lý môi trường; Phòng Đo đạc, Bản đồ và Khoáng sản.	7
4	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Chuyển đổi số; Phòng Khoa học, Công nghệ và Sở hữu trí tuệ; Phòng Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.	5
5	Sở Nội vụ	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Xây dựng chính quyền; Phòng Tổ chức biên chế; Phòng Công chức viên chức; Phòng Người có công; Phòng Lao động - Việc làm; Phòng Thi đua - Khen thưởng.	9
6	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Văn phòng; Chính sách dân tộc; Phòng Tôn giáo.	3
7	Sở Y tế	Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Nghiệp vụ Y - Dược; Phòng Quản lý hành nghề Y dược; Phòng An toàn vệ sinh thực phẩm; Phòng Dân số; Phòng Bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội, Thanh tra Sở.	8
8	Sở Giáo dục & Đào tạo	Văn phòng; Phòng Quản lý chất lượng - Thanh tra; Tổ chức cán bộ - Chính trị tư tưởng; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Giáo dục phổ thông; Phòng Giáo dục Mầm non, thường xuyên, nghề nghiệp.	6
9	Sở Công Thương	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Quản lý Năng lượng; Phòng Quản lý Thương mại; Phòng Quản lý Công nghiệp.	5
10	Sở Tư pháp	Văn Phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng phổ biến và Theo dõi thi hành pháp luật; Phòng Xây dựng, kiểm tra văn bản QPPL; Phòng Hành chính và Bổ trợ tư pháp.	5

TT	Tên sở, ngành	Tên phòng chuyên môn, nghiệp vụ	Số lượng
11	Văn phòng UBND tỉnh	Phòng Kinh tế - Tổng hợp; Phòng Công nghiệp - xây dựng; Phòng Nông nghiệp - Tài nguyên; Phòng Khoa giáo - Văn xã; Phòng Nội chính; Phòng Hành chính - Quản trị; Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính; Ban Tiếp công dân; Trung tâm Phục vụ hành chính công	9
12	Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch	Văn phòng; Thanh tra; Phòng Quản lý văn hóa và gia đình; Quản lý du lịch; Quản lý; Phòng Quản lý Thể dục, thể thao; Phòng Quản lý Di sản văn hóa; Phòng Quản lý Báo chí và Xuất bản.	7
13	Thanh tra tỉnh	Văn phòng; Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 (Nghệp vụ 1); Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 2 (Nghệp vụ 2); Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 3 (Nghệp vụ 3); Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng (Nghệp vụ 4); Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra (Nghệp vụ 5).	6
	Tổng cộng		88

Phụ lục 2A
THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG CHI CỤC THUỘC SỞ TRƯỚC KHI SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên Chi cục và trương đương	Cơ quan chủ quản	Tên phòng chuyên môn, nghiệp vụ	Số lượng
1	Ban Thi đua khen thưởng	Sở Nội vụ	Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Nghiệp vụ	2
2	Ban Tôn giáo	Sở Nội vụ	Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Nghiệp vụ	2
3	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Quản lý đo lường; Phòng Quản lý tiêu chuẩn chất lượng - Tổng hợp	2
4	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và PTNT	Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Nghiệp vụ chuyên môn	2
5	Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên; Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	2
6	Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	3
7	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Phòng Hành chính Tổng hợp và Thương mại; Phòng Chất lượng chế biến	2
8	Chi cục Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và PTNT	Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn; Phòng Quản lý đê điều và Phòng chống thiên tai	2
9	Chi cục Thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Quản lý thủy sản	3
10	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và PTNT	Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	2
11	Chi cục Dân số	Sở Y tế	Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Nghiệp vụ	2
12	Chi cục Giám định xây dựng	Sở Xây dựng	Tổng hợp; Phòng Giám định và An toàn xây dựng	2
	Tổng cộng			26

Phụ lục 2B
THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG CHI CỤC THUỘC SỞ SAU KHI SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên Chi cục và tương đương	Cơ quan chủ quản	Tên phòng chuyên môn, nghiệp vụ	Số lượng
1	Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Phòng Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản; Phòng Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Phòng Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường.	6
2	Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Phòng Hành chính - Tổng hợp; Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên; Sử dụng và Phát triển rừng.	3
3	Chi cục Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và PTNT	Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn; Phòng Quản lý đê điều và Phòng chống thiên tai.	3
4	Chi cục Quản lý thị trường	Sở Công Thương	Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp.	2
	Tổng cộng			14

Phụ lục 3A
SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC SỞ
TRƯỚC KHI SẮP XẾP

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Cơ quan chủ quản	Tên đơn vị	Số lượng
1	Sở Tài nguyên và môi trường	Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường; Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường; Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường; Văn phòng đăng ký đất đai	4
2	Sở Tư pháp	Trung tâm trợ giúp pháp lý; Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản; Phòng Công chứng số 1	3
3	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Ứng dụng và Đổi mới sáng tạo; Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	2
4	Sở Xây dựng	Viện Quy hoạch xây dựng; Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng thuộc Chi cục Giám định xây dựng	2
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn đầu tư	1
6	Sở Công Thương	Trung tâm Phát triển công thương	1
7	Sở Thông tin và truyền thông	Trung tâm Hỗ trợ chuyển đổi số; Trung tâm Hạ tầng số và An toàn thông tin; Công Thông tin điện tử tỉnh	3
8	Văn phòng UBND tỉnh	Trung tâm Tin học - Công báo; Nhà khách UBND tỉnh	2
9	Thanh tra tỉnh	Trung tâm Thông tin tư liệu thanh tra	1
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh; 32 Trường THPT; Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	34
11	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Trung tâm Văn hóa; Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao; Thư viện; Bảo tàng; Nhà hát Nghệ thuật	5
12	Sở Y tế	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm; Trung tâm Pháp y; Trung tâm Giám định Y khoa; Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Đa khoa Khu vực Phúc Yên; Bệnh viện Sản - Nhi; Bệnh viện Tâm thần; Bệnh viện Phục hồi chức năng; Bệnh viện Y Dược cổ truyền; Bệnh viện Giao thông vận tải; 09 Trung tâm Y tế tuyến huyện	20
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Trung tâm Giống nông nghiệp; Trung tâm Phát triển Lâm - Nông nghiệp; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Trung tâm Kiểm định, giám sát công trình NN&PTNT; Trung tâm Kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng đất và vật tư NN tỉnh; Trung tâm Khuyến nông; Văn phòng điều phối xây dựng chương trình nông thôn mới	7
14	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Trung tâm Dịch vụ việc làm; Trung tâm Điều dưỡng người có công Tam Đảo; Trung tâm Nuôi dưỡng phục hồi chức năng người tâm thần; Trung tâm Công tác xã hội; Cơ sở cai nghiện ma túy; Quỹ Bảo trợ trẻ em	6
15	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới; Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe; Trung tâm Công nghệ thông tin; Ban Quản lý Bến xe khách	4
16	Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	1
	Tổng cộng		96

Phụ lục 3B
SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC SỞ
SAU KHI SẮP XẾP

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Cơ quan chủ quản	Tên đơn vị	Số lượng
1	Sở Tài chính	Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn đầu tư.	1
2	Sở Xây dựng	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới; Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe; Viện Quy hoạch xây dựng; Ban Quản lý bến xe khách; Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng.	5
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Trung tâm Khuyến nông; Trung tâm Phát triển nông, lâm nghiệp Vĩnh Phúc; Trung tâm Nước sạch nông thôn và Kiểm định, kiểm nghiệm; Văn phòng Đăng ký đất đai; Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.	5
4	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Hạ tầng số và An toàn thông tin; Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Trung tâm Ứng dụng và Đổi mới sáng tạo.	3
5	Sở Nội vụ	Trung tâm Lưu trữ lịch sử; Trung tâm Dịch vụ việc làm; Trung tâm Điều dưỡng Người có công Tam Đảo.	3
6	Sở Y tế	Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Đa khoa khu vực Phúc Yên; Bệnh viện Sản Nhi; Bệnh viện Y Dược cổ truyền; Bệnh viện Phục hồi chức năng; Bệnh viện Giao thông vận tải Vĩnh Phúc; Bệnh viện Tâm thần; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm; Trung tâm Giám định Y khoa - Pháp y; Trung tâm Công tác xã hội; Trung tâm Nuôi dưỡng và phục hồi chức năng người tâm thần; Quỹ Bảo trợ trẻ em.	13
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	32 Trường THPT; Trung tâm GDTX tỉnh; Trung tâm GDNN-GDTX: 07 Trung tâm.	40
8	Sở Tư pháp	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản; Trung tâm Trợ giúp pháp lý	2
9	Sở Công thương	Trung tâm Phát triển Công thương	1
10	Văn phòng UBND tỉnh	Trung tâm Thông tin - Công báo; Nhà khách tỉnh.	2
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Trung tâm Văn hóa; Nhà hát Nghệ thuật; Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao; Bảo tàng - Thư viện	4
	Tổng cộng		79

Phụ lục 4
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC SỞ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	08
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Chánh Thanh tra Sở	
5	Trưởng phòng	
6	Phó Chánh Văn phòng Sở	
7	Phó Chánh Thanh tra Sở	
8	Phó Trưởng phòng	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	26
1	Chuyên viên chính về quản lý tài chính, ngân sách	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về quản lý tài sản công	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên chính về quản lý giá	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên chính về quản lý tài chính doanh nghiệp	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về quản lý nợ và tài chính đối ngoại	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế đối ngoại	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên chính về quản lý quy hoạch	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên chính về quản lý đấu thầu	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên chính về quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên chính
13	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách	Chuyên viên
15	Chuyên viên về quản lý tài sản công	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
16	Chuyên viên về quản lý giá	Chuyên viên
17	Chuyên viên về quản lý tài chính doanh nghiệp	Chuyên viên
18	Chuyên viên về quản lý nợ và tài chính đối ngoại	Chuyên viên
19	Chuyên viên về quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí	Chuyên viên
20	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên
21	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên
22	Chuyên viên về quản lý kinh tế đối ngoại	Chuyên viên
23	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	Chuyên viên
24	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	Chuyên viên
25	Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên
26	Chuyên viên về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	27
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính
3	Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên chính
4	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên chính về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính
10	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
11	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
12	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
13	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính
14	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
15	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
16	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
17	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên
18	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
19	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
20	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
21	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
22	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên
23	Chuyên viên về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên
24	Kế toán viên	Kế toán viên
25	Văn thư viên	Văn thư viên
26	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
27	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	02
1	Nhân viên phục vụ	
2	Nhân viên lái xe	
	Tổng số:	63

Phụ lục 5
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	10
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Chánh Thanh tra Sở	
5	Chánh Văn phòng Ban An toàn giao thông	
6	Trưởng phòng	
7	Phó Chánh Văn phòng Sở	
8	Phó Chánh Thanh tra Sở	
9	Phó Trưởng phòng	
10	Phó Chánh Văn phòng Ban An toàn giao thông	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	30
1	Chuyên viên chính về quản lý quy hoạch xây dựng	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về quản lý kiến trúc	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên chính về quản lý phát triển đô thị	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về quản lý hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về quản lý nhà ở	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về quản lý công sở	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về quản lý thị trường bất động sản	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên chính về quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên chính về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa)	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên chính về an ninh, an toàn giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa)	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên chính về quản lý vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa)	Chuyên viên chính
13	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên chính về quản lý đăng kiểm (phương tiện thủy nội địa, đường sắt, chất lượng và kiểm định xe cơ giới)	Chuyên viên chính
15	Chuyên viên chính về quản lý phương tiện và người lái	Chuyên viên chính
16	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa)	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
17	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa)	Chuyên viên
18	Chuyên viên về quản lý vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa)	Chuyên viên
19	Chuyên viên về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên
20	Chuyên viên về quản lý đăng kiểm (phương tiện thủy nội địa, đường sắt, chất lượng và kiểm định xe cơ giới)	Chuyên viên
21	Chuyên viên về quản lý phương tiện và người lái	Chuyên viên
22	Chuyên viên về quản lý quy hoạch xây dựng	Chuyên viên
23	Chuyên viên về quản lý kiến trúc	Chuyên viên
24	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên
25	Chuyên viên về quản lý phát triển đô thị	Chuyên viên
26	Chuyên viên về quản lý hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên
27	Chuyên viên về quản lý nhà ở	Chuyên viên
28	Chuyên viên về quản lý công sở	Chuyên viên
29	Chuyên viên về quản lý thị trường bất động sản	Chuyên viên
30	Chuyên viên về quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	32
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính
3	Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên chính
4	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên chính về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính
12	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
13	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
14	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
15	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính
16	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
17	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
18	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên
19	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên
20	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
21	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
22	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
23	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
24	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên
25	Chuyên viên về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên
26	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên
27	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên
28	Kế toán viên	Kế toán viên
29	Văn thư viên	Văn thư viên
30	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
31	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên
32	Cán sự về hành chính - văn phòng	Cán sự
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	04
1	Nhân viên kỹ thuật	
2	Nhân viên phục vụ	
3	Nhân viên lái xe	
4	Nhân viên bảo vệ	
	Tổng số:	76

Phụ lục 6
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC
HÀNH CHÍNH THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	18
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở	
3	Chi cục trưởng	
4	Phó Chi cục trưởng	
5	Chánh Văn phòng Sở	
6	Chánh Thanh tra Sở	
7	Trưởng phòng thuộc Sở	
8	Phó Chánh Văn phòng Sở	
9	Phó Chánh Thanh tra Sở	
10	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	
11	Trưởng phòng thuộc Chi cục	
12	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục	
13	Đội trưởng thuộc Chi cục	
14	Hạt trưởng thuộc Chi cục	
15	Trạm trưởng thuộc Chi cục	
16	Phó Đội trưởng thuộc Chi cục	
17	Phó Hạt trưởng thuộc Chi cục	
18	Phó Trạm trưởng thuộc Chi cục	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	52
1	Chuyên viên chính về quản lý trồng trọt	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về bảo vệ thực vật	Chuyên viên chính
3	Kiểm dịch viên chính thực vật	Kiểm dịch viên chính thực vật
4	Chuyên viên chính về quản lý chăn nuôi	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về quản lý thú y	Chuyên viên chính
6	Kiểm dịch viên chính động vật	Kiểm dịch viên chính động vật
7	Chuyên viên chính về quản lý lâm nghiệp	Chuyên viên chính
8	Kiểm lâm viên chính	Kiểm lâm viên chính

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
9	Chuyên viên chính về quản lý thủy sản	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên chính về quản lý thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên chính về quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai	Chuyên viên chính
12	Kiểm soát viên chính đê điều	Kiểm soát viên chính đê điều
13	Chuyên viên chính về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên chính về phát triển nông thôn	Chuyên viên chính
15	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên chính
16	Chuyên viên chính về khoáng sản	Chuyên viên chính
17	Chuyên viên chính về đo đạc và bản đồ	Chuyên viên chính
18	Chuyên viên chính về quản lý đất đai	Chuyên viên chính
19	Chuyên viên chính về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Chuyên viên chính
20	Chuyên viên chính về môi trường	Chuyên viên chính
21	Chuyên viên chính về biến đổi khí hậu	Chuyên viên chính
22	Chuyên viên chính về khí tượng thủy văn	Chuyên viên chính
23	Chuyên viên chính về tài nguyên nước	Chuyên viên chính
24	Chuyên viên chính về viễn thám	Chuyên viên chính
25	Chuyên viên chính về giảm nghèo	Chuyên viên chính
26	Chuyên viên về quản lý trồng trọt	Chuyên viên
27	Chuyên viên về bảo vệ thực vật	Chuyên viên
28	Kiểm dịch viên thực vật	Kiểm dịch viên thực vật
29	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi	Chuyên viên
30	Chuyên viên về quản lý thú y	Chuyên viên
31	Kiểm dịch viên động vật	Kiểm dịch viên động vật
32	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	Chuyên viên
33	Kiểm lâm viên	Kiểm lâm viên
34	Chuyên viên về quản lý thủy sản	Chuyên viên
35	Chuyên viên về quản lý thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chuyên viên
36	Chuyên viên về quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai	Chuyên viên
37	Kiểm soát viên đê điều	Kiểm soát viên đê điều
38	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
39	Chuyên viên về phát triển nông thôn	Chuyên viên
40	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên
41	Kiểm lâm viên trung cấp	Kiểm lâm viên trung cấp
42	Kiểm soát viên trung cấp đê điều	Kiểm soát viên trung cấp đê điều
43	Chuyên viên về khoáng sản	Chuyên viên
44	Chuyên viên về đo đạc và bản đồ	Chuyên viên
45	Chuyên viên về quản lý đất đai	Chuyên viên
46	Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Chuyên viên
47	Chuyên viên về môi trường	Chuyên viên
48	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	Chuyên viên
49	Chuyên viên về khí tượng thủy văn	Chuyên viên
50	Chuyên viên về tài nguyên nước	Chuyên viên
51	Chuyên viên về viễn thám	Chuyên viên
52	Chuyên viên về giảm nghèo	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	39
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính
3	Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên chính
4	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên chính về công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên chính về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính
13	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
14	Chuyên viên chính về thống kê	Chuyên viên chính
15	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính
16	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
17	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
18	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
19	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính
20	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
21	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
22	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên
23	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên
24	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
25	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
26	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
27	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
28	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
29	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
30	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
31	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên
32	Chuyên viên về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên
33	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên
34	Chuyên viên về thống kê	Chuyên viên
35	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên
36	Kế toán viên	Kế toán viên
37	Văn thư viên	Văn thư viên
38	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
39	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	04
1	Nhân viên kỹ thuật	
2	Nhân viên phục vụ	
3	Nhân viên lái xe	
4	Nhân viên bảo vệ	
	Tổng số:	113

Phụ lục 7
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ban hành kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	08
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Chánh Thanh tra Sở	
5	Trưởng phòng	
6	Phó Chánh Văn phòng Sở	
7	Phó Chánh Thanh tra Sở	
8	Phó Trưởng phòng	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	34
1	Chuyên viên chính về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên chính về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên chính về sở hữu trí tuệ	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đo lường	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	Chuyên viên chính
8	Kiểm soát viên chính chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Kiểm soát viên chính chất lượng sản phẩm, hàng hóa
9	Chuyên viên chính về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên chính về quản lý thông tin đối ngoại	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên chính về quản lý thông tin cơ sở	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên chính về quản lý bưu chính	Chuyên viên chính
13	Chuyên viên chính về quản lý viễn thông	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên chính về quản lý tần số vô tuyến điện	Chuyên viên chính
15	Chuyên viên chính về quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên chính

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
16	Chuyên viên chính về quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên chính
17	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	Chuyên viên
18	Chuyên viên về quản lý hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ	Chuyên viên
19	Chuyên viên về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	Chuyên viên
20	Chuyên viên về sở hữu trí tuệ	Chuyên viên
21	Chuyên viên về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	Chuyên viên
22	Chuyên viên về quản lý hoạt động đo lường	Chuyên viên
23	Chuyên viên về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	Chuyên viên
24	Chuyên viên về quản lý hoạt động năng lượng nguyên tử	Chuyên viên
25	Chuyên viên về quản lý hoạt động an toàn bức xạ và hạt nhân	Chuyên viên
26	Kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa
27	Chuyên viên về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên
28	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại	Chuyên viên
29	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở	Chuyên viên
30	Chuyên viên về quản lý bưu chính	Chuyên viên
31	Chuyên viên về quản lý viễn thông	Chuyên viên
32	Chuyên viên về quản lý tần số vô tuyến điện	Chuyên viên
33	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên
34	Chuyên viên về quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	23
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính
3	Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên chính
4	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
8	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
9	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
10	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
11	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính
12	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
13	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
14	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên
15	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên
16	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
17	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
18	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
19	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
20	Kế toán viên	Kế toán viên
21	Văn thư viên	Văn thư viên
22	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
23	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	03
1	Nhân viên phục vụ	
2	Nhân viên lái xe	
3	Nhân viên bảo vệ	
	Tổng số:	68

Phụ lục 8
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC SỞ NỘI VỤ
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	08
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Chánh Thanh tra Sở	
5	Trưởng phòng	
6	Phó Chánh Văn phòng Sở	
7	Phó Chánh Thanh tra Sở	
8	Phó Trưởng phòng	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	28
1	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên chính về địa giới hành chính	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về quản lý văn thư, lưu trữ	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về lao động, tiền lương	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về bảo hiểm xã hội	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên chính về bình đẳng giới	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên chính về quản lý lao động ngoài nước	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên chính về an toàn, vệ sinh lao động	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên chính về người có công	Chuyên viên chính
13	Chuyên viên chính về việc làm	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên chính về công tác người Việt Nam ở nước ngoài	Chuyên viên chính
15	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
16	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
17	Chuyên viên về địa giới hành chính	Chuyên viên
18	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên
19	Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ	Chuyên viên
20	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
21	Chuyên viên về lao động, tiền lương	Chuyên viên
22	Chuyên viên về bảo hiểm xã hội	Chuyên viên
23	Chuyên viên về bình đẳng giới	Chuyên viên
24	Chuyên viên về quản lý lao động ngoài nước	Chuyên viên
25	Chuyên viên về an toàn, vệ sinh lao động	Chuyên viên
26	Chuyên viên về người có công	Chuyên viên
27	Chuyên viên về việc làm	Chuyên viên
28	Chuyên viên về công tác người Việt Nam ở nước ngoài	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	31
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính
3	Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên chính
4	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên chính về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính
12	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
13	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
14	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
15	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính
16	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
17	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
18	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên
19	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên
20	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
21	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
22	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
23	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
24	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên
25	Chuyên viên về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên
26	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên
27	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên
28	Kế toán viên	Kế toán viên
29	Văn thư viên	Văn thư viên
30	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
31	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	03
1	Nhân viên phục vụ	
2	Nhân viên lái xe	
3	Nhân viên bảo vệ	
	Tổng số:	70

Phụ lục 9
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	06
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Trưởng phòng	
5	Phó Chánh Văn phòng Sở	
6	Phó Trưởng phòng	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	04
1	Chuyên viên chính về công tác dân tộc	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên về công tác dân tộc	Chuyên viên
4	Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	20
1	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính
7	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
8	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
9	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
10	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên
12	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
13	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
14	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
15	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên
16	Chuyên viên về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên
17	Kế toán viên	Kế toán viên
18	Văn thư viên	Văn thư viên
19	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
20	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	03
1	Nhân viên phục vụ	
2	Nhân viên lái xe	
3	Nhân viên bảo vệ	
	Tổng số:	33

Phụ lục 10
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC SỞ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	08
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Chánh Thanh tra Sở	
5	Trưởng phòng	
6	Phó Chánh Văn phòng Sở	
7	Phó Chánh Thanh tra Sở	
8	Phó Trưởng phòng	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	22
1	Chuyên viên chính về kiểm soát bệnh tật	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về thiết bị y tế, công trình y tế	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên chính về dược	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên chính về an toàn thực phẩm	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về dân số	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về quản lý khám, chữa bệnh	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về bảo hiểm y tế	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên chính về phòng, chống tệ nạn xã hội	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên chính về bảo trợ xã hội	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên chính về trẻ em	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên về kiểm soát bệnh tật	Chuyên viên
13	Chuyên viên về thiết bị y tế, công trình y tế	Chuyên viên
14	Chuyên viên về dược	Chuyên viên
15	Chuyên viên về an toàn thực phẩm	Chuyên viên
16	Chuyên viên về dân số	Chuyên viên
17	Chuyên viên về quản lý khám, chữa bệnh	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
18	Chuyên viên về bảo hiểm y tế	Chuyên viên
19	Chuyên viên về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em	Chuyên viên
20	Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội	Chuyên viên
21	Chuyên viên về bảo trợ xã hội	Chuyên viên
22	Chuyên viên về trẻ em	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	35
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính
3	Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên chính
4	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên chính về công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên chính về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính
13	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính
14	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
15	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
16	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
17	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính
18	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
19	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
20	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên
21	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên
22	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
23	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
24	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
25	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
26	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
27	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
28	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên
29	Chuyên viên về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên
30	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên
31	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên
32	Kế toán viên	Kế toán viên
33	Văn thư viên	Văn thư viên
34	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
35	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	03
1	Nhân viên phục vụ	
2	Nhân viên lái xe	
3	Nhân viên bảo vệ	
	Tổng số:	68

Phụ lục 11
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ban hành kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	08
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Chánh Thanh tra Sở	
5	Trưởng phòng	
6	Phó Chánh Văn phòng Sở	
7	Phó Chánh Thanh tra Sở	
8	Phó Trưởng phòng	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	16
1	Chuyên viên chính về quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên chính về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên chính về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục)	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên về quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên
10	Chuyên viên về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	Chuyên viên
11	Chuyên viên về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên
12	Chuyên viên về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	Chuyên viên
13	Chuyên viên về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục)	Chuyên viên
14	Chuyên viên về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	Chuyên viên
15	Chuyên viên về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
16	Chuyên viên về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	41
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính
3	Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên chính
4	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên chính về truyền thông	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
13	Chuyên viên chính về công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên chính về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính
15	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính
16	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính
17	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
18	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
19	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
20	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính
21	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
22	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
23	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên
24	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên
25	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
26	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	Chuyên viên
27	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
28	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
29	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
30	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
31	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
32	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
33	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
34	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên
35	Chuyên viên về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên
36	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên
37	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên
38	Kế toán viên	Kế toán viên
39	Văn thư viên	Văn thư viên
40	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
41	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	03
1	Nhân viên phục vụ	
2	Nhân viên lái xe	
3	Nhân viên bảo vệ	
	Tổng số:	68

Phụ lục 12
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	08
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Chánh Thanh tra Sở	
5	Trưởng phòng	
6	Phó Chánh Văn phòng Sở	
7	Phó Chánh Thanh tra Sở	
8	Phó Trưởng phòng	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	19
1	Chuyên viên chính về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về quản lý thương mại quốc tế	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên chính về quản lý công nghiệp	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên chính về quản lý năng lượng	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về quản lý cạnh tranh	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về quản lý hóa chất	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về hội nhập kinh tế quốc tế	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về lãnh sự	Chuyên viên chính
9	Kiểm soát viên chính về quản lý thị trường	Kiểm soát viên chính thị trường
10	Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên
11	Chuyên viên về quản lý thương mại quốc tế	Chuyên viên
12	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	Chuyên viên
13	Chuyên viên về quản lý năng lượng	Chuyên viên
14	Chuyên viên về quản lý cạnh tranh	Chuyên viên
15	Chuyên viên về quản lý hóa chất	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
16	Chuyên viên về hội nhập kinh tế quốc tế	Chuyên viên
17	Chuyên viên về lãnh sự	Chuyên viên
18	Kiểm soát viên về quản lý thị trường	Kiểm soát viên thị trường
19	Kiểm soát viên trung cấp về quản lý thị trường	Kiểm soát viên trung cấp thị trường
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	31
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính
3	Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên chính
4	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên chính về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính
12	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
13	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
14	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
15	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính
16	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
17	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
18	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên
19	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên
20	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
21	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
22	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
23	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
24	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên
25	Chuyên viên về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên
26	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên
27	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên
28	Kế toán viên	Kế toán viên
29	Văn thư viên	Văn thư viên
30	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
31	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	03
1	Nhân viên phục vụ	
2	Nhân viên lái xe	
3	Nhân viên bảo vệ	
	Tổng số:	61

Phụ lục 13
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC
HÀNH CHÍNH THUỘC VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ban hành kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	10
1	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	
2	Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	
3	Trưởng phòng	
4	Trưởng Ban Tiếp công dân (kiêm nhiệm)	
5	Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công (kiêm nhiệm)	
6	Phó Trưởng phòng	
7	Phó Trưởng Ban Tiếp công dân	
8	Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công	
9	Trưởng phòng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công	
10	Phó Trưởng phòng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	12
1	Chuyên viên chính tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về thư ký - biên tập	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên chính về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên chính về quản lý thông tin lãnh đạo	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về lễ tân nhà nước	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về luật pháp, điều ước và thỏa thuận quốc tế	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên
8	Chuyên viên về thư ký - biên tập	Chuyên viên
9	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên
10	Chuyên viên về quản lý thông tin lãnh đạo	Chuyên viên
11	Chuyên viên về lễ tân nhà nước	Chuyên viên
12	Chuyên viên về luật pháp, điều ước và thỏa thuận quốc tế	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	22
1	Chuyên viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên chính

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
3	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính
8	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
9	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
10	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
11	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên
13	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên
14	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
15	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
16	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
17	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên
18	Chuyên viên về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên
19	Kế toán viên	Kế toán viên
20	Văn thư viên	Văn thư viên
21	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
22	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	05
1	Nhân viên kỹ thuật	
2	Nhân viên lễ tân	
3	Nhân viên phục vụ	
4	Nhân viên lái xe	
5	Nhân viên bảo vệ	
	Tổng số:	49

Phụ lục 14
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	08
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Chánh Thanh tra Sở	
5	Trưởng phòng	
6	Phó Chánh Văn phòng Sở	
7	Phó Chánh Thanh tra Sở	
8	Phó Trưởng phòng	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	32
1	Chuyên viên chính về quản lý di sản văn hóa	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về quản lý văn hóa cơ sở (bao gồm quản lý thư viện và quản lý văn hóa dân tộc)	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên chính về văn hóa nghệ thuật (bao gồm nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm)	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên chính về quản lý bản quyền tác giả	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về quản lý lĩnh vực gia đình	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về quản lý lễ hành	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên chính về quản lý lưu trú du lịch	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên chính về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên chính về quản lý báo chí	Chuyên viên chính
12	Chuyên viên chính về quản lý phát thanh, truyền hình	Chuyên viên chính
13	Chuyên viên chính về quản lý xuất bản	Chuyên viên chính
14	Chuyên viên chính về quản lý in	Chuyên viên chính
15	Chuyên viên chính về quản lý phát hành	Chuyên viên chính
16	Chuyên viên chính về ngoại giao nhà nước	Chuyên viên chính
17	Chuyên viên về quản lý di sản văn hóa	Chuyên viên
18	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (bao gồm quản lý thư viện và quản lý văn hóa dân tộc)	Chuyên viên
19	Chuyên viên về văn hóa nghệ thuật (bao gồm nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm)	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
20	Chuyên viên về quản lý bản quyền tác giả	Chuyên viên
21	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực gia đình	Chuyên viên
22	Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	Chuyên viên
23	Chuyên viên về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp	Chuyên viên
24	Chuyên viên về quản lý lễ hành	Chuyên viên
25	Chuyên viên về quản lý lưu trú du lịch	Chuyên viên
26	Chuyên viên về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	Chuyên viên
27	Chuyên viên về quản lý báo chí	Chuyên viên
28	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình	Chuyên viên
29	Chuyên viên về quản lý xuất bản	Chuyên viên
30	Chuyên viên về quản lý in	Chuyên viên
31	Chuyên viên về quản lý phát hành	Chuyên viên
32	Chuyên viên về ngoại giao nhà nước	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	32
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính
3	Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên chính
4	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên chính về công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
11	Chuyên viên chính về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính
12	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
13	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
14	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
15	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính
16	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
17	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
18	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên
19	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên
20	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
21	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
22	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
23	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
24	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
25	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
26	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên
27	Chuyên viên về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên
28	Kế toán viên	Kế toán viên
29	Văn thư viên	Văn thư viên
30	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
31	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên
32	Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	03
1	Nhân viên phục vụ	
2	Nhân viên lái xe	
3	Nhân viên bảo vệ	
	Tổng số:	75

Phụ lục 15
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	08
1	Giám đốc Sở	
2	Phó Giám đốc Sở	
3	Chánh Văn phòng Sở	
4	Chánh Thanh tra Sở	
5	Trưởng phòng	
6	Phó Chánh Văn phòng Sở	
7	Phó Chánh Thanh tra Sở	
8	Phó Trưởng phòng	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	14
1	Chuyên viên chính về xây dựng pháp luật	Chuyên viên chính
2	Chuyên viên chính về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và tiếp cận pháp luật	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên chính về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên chính
4	Chuyên viên chính về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về hành chính tư pháp	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên về xây dựng pháp luật	Chuyên viên
9	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và tiếp cận pháp luật	Chuyên viên
10	Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên
11	Chuyên viên về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên
12	Chuyên viên về hành chính tư pháp	Chuyên viên
13	Chuyên viên về hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý	Chuyên viên
14	Chuyên viên về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	26
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính
2	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng
3	Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên chính
4	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên chính
5	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
6	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính
7	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính
8	Chuyên viên chính về công nghệ thông tin	Chuyên viên chính
9	Chuyên viên chính về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính
10	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
11	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính
12	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính
13	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính
14	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
15	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
16	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên
17	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên
18	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
19	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
20	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
21	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên
22	Chuyên viên về an toàn thông tin mạng	Chuyên viên
23	Kế toán viên	Kế toán viên
24	Văn thư viên	Văn thư viên
25	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên
26	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	03
1	Nhân viên phục vụ	
2	Nhân viên lái xe	
3	Nhân viên bảo vệ	
	Tổng số:	51